

PHẦN C – LỜI DẠY CỦA ĐỨC PHẬT

Bài giảng đầu tiên

Sau khi thành đạo, Đức Phật đi tìm năm người bạn đồng tu đã xa lánh ngài trước đây. Ngài tìm thấy họ ở vườn Lộc Uyển gần Be Na Res. Lúc này, họ nghĩ Đức Phật đã từ bỏ ý định tìm kiếm giác ngộ khi ngài nhận thực phẩm do Su Ja Ta cúng dường. Bởi vậy, khi thấy ngài đến gần họ. Họ nói, — Đây, Gau Ta Ma đến đây. Chúng ta không nên nói chuyện với ông ta.

Tuy nhiên, khi Đức Phật đến gần, một luồng hào quang chiếu sáng quanh ngài. Về uy nghi của Ngài gây ấn tượng đến nỗi năm vị đạo sĩ quên rằng họ đã thông nhất với nhau không chào đón ngài. Các đạo sĩ hồ hởi khi gặp ngài. Người đem chậu, người khác xối nước để rửa chân cho ngài. Rồi Đức Phật nói với họ, — Ta đã đạt được sự giác ngộ và ta đến để nói với các ngài chân lý ta đã nhận ra. Đừng gọi ta là Gau Ta Ma nữa. Ta bây giờ đã là Đức Phật. Họ cảm thấy xấu hổ khi đã xa lánh ngài trước đây và cầu xin ngài tha thứ. Rồi họ lắng nghe Đức Phật giảng bài giảng đầu tiên. Ngài dạy, — Tất cả nỗi khổ đau, sợ hãi và căm thù đều xuất phát từ lòng tham lam. Người không tham lam sẽ không lo sợ. Tham lam làm họ sợ hãi!

Họ bắt đầu hiểu lời dạy của ngài. Sau khi hiểu rõ những lời dạy của Đức Phật, họ xin Đức Phật truyền giới. Đức Phật đồng ý truyền giới và nói rằng, “Hãy là tỳ kheo, đi theo lối sống tu hành để chấm dứt khổ đau”. Họ cạo đầu và mặc áo choàng màu vàng sẫm. Như vậy, Tăng đoàn được thành lập. Sau đó, Đức Phật giảng cho họ bài pháp đầu tiên về Bốn Sự thật Cao quý (Tứ Diệu Đế).

Chân lý cao quý thứ nhất: Khổ đau

Đức Phật tìm ra cách giải quyết nỗi khổ đau, bắt đầu bằng nhận diện khổ đau có mặt trong cuộc sống. Đây là cái chân lý cao quý thứ Nhất trong Bốn chân lý. Nếu mọi người ý thức những gì họ trải qua và quan sát kỹ những gì diễn ra xung quanh, họ sẽ thấy rằng cuộc sống là hoàn toàn khổ đau và không hạnh phúc. Khổ đau có thể là tinh thần hoặc thể xác.

Chân lý về khổ đau của sanh, lão, bệnh, tử là không thể tránh khỏi. Một vài người giàu có bây giờ có thể vui sướng, hạnh phúc và được chăm sóc cẩn thận trong cuộc sống, nhưng thời gian, không có gì chắc chắn họ không trải qua khổ đau. Điều tệ hại, không ai có thể chia sẻ nỗi đau với người khác. Chẳng hạn, một người đàn ông có thể lo lắng người mẹ của mình đang ngày càng già yếu. Thật ra, anh ấy không thể chịu nỗi đau của tuổi tác thay mẹ mình. Cũng vậy nếu một bé trai bị ốm, người mẹ không thể trải qua những cảm giác khó chịu vì bệnh tật thay cho đứa con của mình. Cuối cùng, cả người mẹ và người con trai không thể giúp đỡ lẫn nhau trong lúc cái chết cận kề.

Bên cạnh nỗi khổ về mặt thể chất, cũng có những nỗi khổ về tinh thần. Con người cảm thấy cô đơn, buồn và chán nản khi người họ thương yêu xa cách hoặc bị chết. Họ trở nên buồn bực, khó chịu khi đối mặt với những điều họ không thích hoặc những điều họ không hài lòng. Con người cũng khổ đau khi họ không thỏa mãn nhu cầu và ước muốn của họ. Chẳng hạn những thiếu niên, cảm thấy nản chí và giận dữ khi cha mẹ của họ không cho phép họ đi chơi quá khuya hoặc tiêu món tiền quá lớn cho những áo quần thời trang đắt tiền. Ngay cả, người

lớn cũng không hạnh phúc nếu họ không đạt được sự giàu có, quyền lực hoặc danh tiếng theo tham vọng của bản thân họ.

Ngoài ra, thảm họa thiên nhiên như là động đất, lũ lụt, hỏa hoạn có thể gây ra nhiều khổ đau cho con người. Con người có thể đối mặt với những khó khăn gây ra bởi chiến tranh và bất bình đẳng trong xã hội.

Những rắc rối có thể xảy ra trong lớp học. Khi bạn đang cố gắng học bài, nhưng lớp quá ồn ào hoặc bạn bè đang cố quấy rầy bạn, bạn sẽ cảm thấy không hài lòng và giận dữ. Đôi khi, rắc rối có thể do chính bản thân bạn gây ra. Khi bạn không qua được kì thi, nó sẽ làm cho bạn cảm thấy đau buồn và thất vọng.

Chân lý cao quý thứ hai : Nguyên nhân của khổ

Nguyên nhân của khổ đau là lòng tham và sự ích kỷ. Đức Phật đã nhận ra nguyên nhân của khổ đau là tham lam và ích kỷ. Con người muốn tất cả mọi thứ và muốn giữ nó bên mình mãi mãi. Tuy nhiên, lòng tham là không có giới hạn, nó giống như cái thùng không có đáy, không thể làm đầy được. Nếu bạn càng ham muốn nhiều, thì bạn càng gặp nhiều khổ đau trong cuộc sống. Bởi vậy, những ước muốn, nhu cầu không có giới hạn của chúng ta là nguyên nhân gây ra khổ đau.

Nhiều trẻ em khi dùng sô cô la đã khăng khăng xin thêm. Khi họ không xin được, họ cảm thấy buồn chán và thậm chí giận dữ. Cho dù chúng biết rằng ăn quá nhiều sẽ làm đau bụng hoặc đau răng, nhưng chúng vẫn đòi ăn thêm.

Những điều chúng ta mong muốn phần lớn đều có thể gây ra khổ đau cho chúng ta.

Chân lý cao quý thứ ba: Hạnh phúc

Để có cuộc sống hạnh phúc, chấm dứt khổ đau, các ham muốn ích kỷ phải được loại bỏ. Nó như ngọn lửa được dập tắt khi mà chúng ta không cho thêm nhiên liệu vào. Những điều không hạnh phúc sẽ chấm dứt khi năng lượng dành cho sự ham muốn ích kỷ đã được loại bỏ. Khi ham muốn ích kỷ đã hoàn toàn bị loại bỏ thì không còn đau khổ nào nữa. Ý thức của chúng ta sẽ ở trạng thái hoàn toàn thanh thản. Chúng ta sẽ luôn luôn hạnh phúc. Đức Phật gọi trạng thái hạnh phúc cao nhất là Niết Bàn. Đây là trạng thái sung sướng và thanh thản. Nó là hạnh phúc lớn nhất của cuộc đời.

Chân lý cao quý thứ tư: Con đường thoát khổ

Để đạt được hạnh phúc, con người phải đi theo con đường thoát khổ, đó là thực hành con đường chính đạo 8 nhánh, hay còn gọi là Tám điều cao quý (Bát chánh đạo) như sau:

1. Chánh kiến: Hiểu đúng có nghĩa là hiểu chính xác bản chất của sự vật hoặc hiện tượng. Mặc khác, cho dù chúng ta có quan điểm của chúng ta về sự vật hoặc hiện tượng, nhưng không phải lúc nào cũng luôn luôn đúng. Nếu chúng ta hiểu mọi vật đúng bản chất, chúng ta sẽ sống hạnh phúc hơn và cuộc sống có ý nghĩa hơn. Chẳng hạn, nếu người học sinh hiểu rằng bản thân họ sẽ có lợi ích từ việc học thì người học sinh đó sẽ chăm chỉ và cố gắng làm bài tốt hơn. Khi họ học tốt, cha mẹ và thầy giáo của họ sẽ hạnh phúc.

2. Chánh tư duy: Nghĩ đúng có nghĩa là suy nghĩ một cách đúng đắn. Những người nuôi dưỡng ý thức tham lam hoặc giận dữ, dễ dàng đối mặt các rắc rối. Nhưng nếu chúng ta nghĩ đúng, chúng ta sẽ

nỗ lực làm việc đến cùng cho những việc đúng đắn. Chẳng hạn, nếu học sinh luôn suy nghĩ đúng đắn, họ sẽ biết lười biếng có thể làm cho họ thi rớt. Điều này có nghĩa sẽ tốn thêm một năm học khác để học lại những nội dung đã học. Vì vậy họ quyết định làm việc chăm chỉ, hơn là có thái độ gắt gỏng không bằng lòng với các bài tập ở trường.

3. Chánh ngữ: Nói đúng có nghĩa là tránh nói dối, nói cường điệu, nói huyên thuyên, nói xấu sau lưng, nói ám chỉ, nói những lời nặng nề. Nói lời nặng nề có thể làm tổn thương hơn bất kỳ vũ khí nào. Một câu nói lịch sự có thể làm thay đổi trái tim của một người nhân tâm phạm tội. Điều này cho thấy tác dụng trong cách chúng ta nói chuyện. Đức Phật nói, — Nói lời làm hài lòng như sự dịu ngọt của mật ong, nói lời chân thật nó đẹp như bông hoa và nói lời thô bạo là một thứ rác rưởi. Bởi vậy, chúng ta sẽ nói lời chân thật, có nghĩa và có thiện chí.

4. Chánh nghiệp: Hành động đúng có nghĩa là không làm tổn thương, hủy hoại cuộc sống của bất kỳ sinh vật nào. Không ăn cắp hoặc không lạm dụng tình dục làm tổn hại người khác.

5. Chánh mạng: Phương kế sinh nhai đúng, có nghĩa là không sống bằng các công việc gây hại đến cuộc sống của kẻ khác. Đức Phật không khuyến khích các Phật tử làm các công việc liên quan đến: hàng giả, vũ khí, động vật phục vụ tiêu khiển, các thức uống độc hại, và ma túy, Đức Phật nói — Không kiếm tiền bằng cách làm tổn thương kẻ khác. Không tìm kiếm hạnh phúc bởi làm cho kẻ khác đau khổ.

6. Chánh tinh tấn: Nỗ lực đúng có nghĩa là làm chúng ta trở thành người tốt hơn. Chẳng hạn, học tập chăm chỉ ở trường và từ bỏ những thói quen xấu

như là lừa dối, nóng nảy, hút thuốc lá và sử dụng ma túy.

7. Chánh niệm: Sự quan tâm & nhớ nghĩ đúng đắn, có nghĩa là chúng ta luôn ý thức và ân cần chu đáo. Chúng ta sẽ luôn ý thức về điều chúng ta suy nghĩ, điều chúng ta nói và điều chúng ta làm. Chúng ta phải tập trung vào mọi thứ chúng ta đang làm để chúng ta có thể làm tốt. Chẳng hạn, nếu chúng ta tập trung trong lớp học, chúng ta sẽ không bỏ sót những điều thầy giảng.

8. Chánh định: Suy nghĩ, thiền định một cách đúng đắn, có nghĩa là chúng ta giữ cho tâm chúng ta vững chắc và bình thản với mục đích nhìn rõ về bản chất của sự vật. Đây là thực tập tinh thần có thể giúp cho chúng ta trở nên hiểu biết và là người hạnh phúc hơn nữa.

Làm theo Tám điều cao quý (Bát chánh đạo) có thể giúp chúng ta ngăn ngừa những rắc rối hoặc xử lý với bất kỳ những rắc rối nào, để có thể vượt qua những khó khăn trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Nếu chúng ta làm theo nó, chúng ta luôn đi trên đường có ít đau khổ và dẫn đến hạnh phúc.

Bài học: *Học Phật cần phải hiểu rõ về bốn chân lý cao quý, đó là: Cuộc đời là khổ, Nguyên nhân của khổ là do thói quen xấu, Có thể chấm dứt khổ đau và đạt hạnh phúc, Con đường đưa đến hạnh phúc chính là con đường Bát chánh đạo.*

Điềm lành tối thượng

Bài kinh "Điềm lành tối thượng" nói về nếp sống học pháp và hành pháp của người Phật tử, một nếp sống thiết thực, có cân nhắc chọn lựa giữa thiện và bất thiện: một nếp sống cung kính khiêm tốn, biết làm tròn các bổn phận; một nếp sống không phóng dật, biết điều phục thân tâm, hướng đến Thiên định và trí tuệ.

Bài kinh này (kinh số IV, Phẩm Nhỏ, Kinh Tập) do đức Phật thuyết giảng cho một vị này đến hỏi Ngài về ý nghĩa của điềm lành. Sau đây là câu hỏi của vị Thiên nhân:

*"Nhiều thiên nhân và người
Suy nghĩ đến điềm lành
Mong ước và chờ đợi
Xin Ngài hãy nói lên
Về điềm lành tối thượng".*

Quả vậy, tất cả mọi người chúng ta đều mong ước và chờ đợi một nếp sống an lành, hạnh phúc. Nhưng nếp sống an lành sẽ không tự dung đến với chúng ta nếu không được nuôi dưỡng và xây dựng tốt cả mọi người chúng ta. Và đức Phật đã giảng dạy các Điềm lành của người Phật tử như sau.

Trước hết điềm lành thứ nhất là:

*"Không thân cận kẻ ngu
Nhưng gần gũi bậc trí
Đánh lễ người đáng lễ
Là điềm lành tối thượng".*

Điềm lành tối thượng đầu tiên mà người Phật tử cần nuôi dưỡng là thái độ chọn lựa giữa kẻ ngu và bậc trí để giao thiệp, thân cận, người ngu thời xa lánh, bậc trí thời gần gũi. Người trí tiêu biểu cho tiếng nói của Chánh pháp, thiện hạnh, đạo đức, do đó là người nên theo, nên gần gũi, thân cận. Kẻ ngu tiêu biểu là tà pháp, ác hạnh, phi đạo đức, do đó cần xa lánh, không nên gần gũi. Đây là điềm lành thứ nhất mở đường cho nếp sống thiện, nếp sống thiện, nếp sống bỏ ác làm lành của người Phật tử.

*"Học nhiều nghề nghiệp giỏi
Khéo huấn luyện học tập
Nói những lời khéo nói
Là điềm lành tối thượng".*

Điềm lành thứ hai mà người Phật tử cần nuôi dưỡng ấy là về phương diện học tập và rèn luyện cho thật giỏi. Để xây dựng cuộc sống hạnh phúc, người Phật tử cần phải nỗ lực học tập thật nhiều cũng như cần phải nắm vững tay nghề của mình và không ngừng học hỏi thêm nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống. Học tốt làm tốt rồi, người Phật tử cũng cần nói lời tốt đẹp nữa. Điềm lành tiếp theo là:

*"Hiếu dưỡng mẹ và cha
Nuôi dưỡng vợ và con
Làm nghề không rắc rối
Là điềm lành tối thượng".*

Đây là điềm lành nói về trách nhiệm và bổn phận của một người Phật tử sống tại gia đình, có trách nhiệm chăm lo đời sống cho vợ con và bổn phận đối với cha mẹ khi cha mẹ tuổi già. Là người Phật

tử thì trách nhiệm và bổn phận đối với cha mẹ, vợ con là hết sức quan trọng. Gia đình có hạnh phúc hay không sẽ tùy thuộc vào mỗi thành viên trong gia đình có làm tốt trách nhiệm và bổn phận của mình đối với gia đình hay không. Dĩ nhiên, trách nhiệm và bổn phận sẽ tùy thuộc vào vị trí và vai trò của từng thành viên trong gia đình mà có sự sai khác. Ở đây vì nhấn mạnh đến vai trò chủ quản của người Phật tử ở trong gia đình nên trách nhiệm và bổn phận của vị ấy là chăm sóc nuôi dưỡng vợ con và phụng dưỡng cha mẹ. Bởi có trách nhiệm chăm lo đời sống cho cha mẹ vợ con nên người ấy cần có công ăn việc làm ổn định. Người ấy cần làm việc với nghề nghiệp hợp pháp, đúng pháp. Vị ấy không nên vì bất cứ lý do gì mà làm các nghề nghiệp không hợp pháp khiến gây bất an cho gia đình và làm rối loạn xã hội. Trong trách nhiệm nuôi dưỡng vợ con thì người Phật tử không những phải chăm lo đầy đủ các tiện nghi vật chất cho vợ con, mà còn phải chú ý đến đời sống tinh thần của vợ con nữa. Người Phật tử cần dành thì giờ để chăm lo việc giáo dục con cái, hướng dẫn trở thành những đứa con ngoan, những học trò giỏi. Người ấy cần vui vẻ, hòa thuận với vợ mình trong mọi công việc và đặc biệt, cần lắng nghe và tham khảo ý kiến của cha mẹ trong nhiều trường hợp. Một điều lành khác là:

*"Bố thí, hành đúng pháp
Săn sóc các bà con
Làm nghiệp không lỗi lầm
Là điều lành tối thượng".*

Ngoài các quan hệ có tính cách gia đình ra, người Phật tử cũng cần có những quan hệ khác như quan

hệ với bà con thân hữu, quan hệ với mọi người ở trong xã hội. Ở đây, một điềm lành khác chờ đợi người Phật tử đó là việc bố thí đúng pháp và giúp đỡ bà con thân thuộc khi những người này cần đến mình. Việc bố thí không những cần đúng pháp, đúng đối tượng, mà cũng cần đúng lúc, đúng thời và cần được làm với một tâm tư hoan hỷ, trân trọng. Tương tự, việc săn sóc, giúp đỡ các bà con cũng cần được tiến hành với các tinh thần trên thì mới có kết quả tốt đẹp, lợi mình, lợi người. Mọi việc làm của người Phật tử cần phải được làm một cách đúng pháp, không lỗi lầm thì kết quả mới tốt đẹp. Một điềm lành khác nữa là:

*"Chấm dứt, từ bỏ ác
Chế ngự đam mê rượu
Trong pháp, không phóng dật
Là điềm lành tối thượng".*

Đây là điềm lành nói về sự tu tập cá nhân, không phóng dật trong cuộc sống, từ bỏ điều ác và chế ngự đam mê cờ bạc, rượu chè. Có thể nói đây là các đức tánh hết sức căn bản nhằm xây dựng nhân cách tốt đẹp cho người Phật tử, bởi vì người Phật tử là người luôn luôn gương mẫu trong nếp sống không phóng dật, nếp sống từ bỏ điều ác, làm các điềm lành và nếp sống không chạy theo rượu chè, cờ bạc. Không phóng dật tức là không để cho thân, khẩu, ý tự do hoạt động theo sở thích tùy tiện của mình, mà ngược lại, cần phải thường xuyên theo dõi và kiểm soát thân, khẩu, ý, không để chúng rơi vào các hành vi ác, bất thiện. Chấm dứt hay từ bỏ ác có nghĩa là xa lìa các hành động ác, bất thiện như sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục,

nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến. Đây là nếp sống thông minh, sáng suốt của người Phật tử nhằm xây dựng hạnh phúc cho cá nhân, gia đình và xã hội. Chê ngữ đăm mê rượu chè hoặc các chất gây nghiện là nếp sống thông minh, sáng suốt của người Phật tử. Bởi rượu chè làm cho con người mất đi bản tính sáng suốt, thiếu tự chủ trong mọi hành động, dẫn đầu nhiều hậu quả tai hại. Tiếp theo là điềm lạnh nói về thái độ nghe pháp, thái độ cung kính khiêm tốn và thái độ biết ơn của người Phật tử:

*"Kính lễ và hạ mình
Biết đủ và biết ơn
Đúng thời nghe Chánh pháp
Là điềm lạnh tối thượng".*

Là người Phật tử thì việc học pháp, nghe pháp hết sức cần thiết để nuôi dưỡng tuệ đức cho cá nhân và đóng góp tiếng nói trí tuệ cho con người và cuộc đời. Bởi trí tuệ là sự nghiệp lớn, giải thoát con người và cuộc đời khỏi mọi sai lầm, tội tăm do lòng dục, lòng sân và lòng si gây nên. Vì việc nghe pháp nhằm pháp triển trí tuệ nên rất quan trọng đối với người Phật tử; có nghe pháp và hành pháp thì trí tuệ mới phát sinh. Thiếu hoặc không nghe pháp, giống như người đi trong đêm tối rất khó định hướng, lối đi của mình. Đạo Phật đề cao trí tuệ, xem trí tuệ là ngọn đèn soi sáng hướng đi giải thoát của người Phật tử, giống như ngọn hải đăng luôn soi tỏ hướng đi của các con tàu vậy. Ngoài việc nghe pháp, phát triển trí tuệ, người Phật tử cần nuôi dưỡng thêm các đức tính như lòng cung kính khiêm tốn, thái độ biết đủ, biết ơn đối với cuộc đời vậy. Đây là các đức

tính đặc biệt của người Phật tử, bởi sự khiêm cung luôn là sức mạnh chinh phục mọi kiêu căng, ngã mạn của con người, thái độ biết ơn là lòng thủy chung cao đẹp. Cuộc sống đang ra sức cám dỗ con người bằng nhiều hình thức hấp dẫn và phương tiện tinh vi, nếu không nhận ra sự thật của lòng dục thì con người khó lòng thoát khỏi sự chi phối của chúng. Vì các dục vui ít, khổ nhiều, sự nguy hại càng nhiều. Do đó thái độ sống biết đủ của người Phật tử đối với các nhu cầu cuộc sống chính là mũi tên phá vỡ mọi ràng buộc cám dỗ của tham dục đang nô lệ hóa con người vậy. Các đức tính khác như nhẫn nhục, nói lời hòa nhã, yết kiến các Sa môn, và bàn luận chánh pháp cũng là điềm lành cần được nuôi dưỡng của người Phật tử:

*"Nhẫn nhục lời hòa nhã
Yết kiến các Sa môn
Đúng thời, bàn luận pháp
Là điềm lành tối thượng".*

Thái độ nhẫn nhục là thái độ của người Phật tử biết kham nhẫn mọi phiền toái của cuộc đời không để cho cuộc đời lung lạc bởi sự khen chê, tốt xấu. Với sự nhẫn nhục đúng pháp, người Phật tử nhìn cuộc đời một cách an nhiên tự tại, không vui khi được khen, không buồn khi bị chê. Vị ấy đón nhận mọi việc với lòng thanh thản, thản nhiên. Người Phật tử cũng là người khéo nói với lời từ tốn, hòa nhã vì "Lời nói không mất tiền mua". Vậy vì sao không tìm lời tao nhã để nói với nhau? Một lời nói tao nhã, lịch sự không những để gây cảm tình với người khác mà còn khiến cho nhân cách người nói được nâng cao. Nên gìn giữ các Sa môn và bàn

luận chánh pháp, vì các Sa-môn là những vị sống tùy thuận pháp và hành trì pháp. Do vậy, yết kiến Sa-môn, bàn luận chánh pháp với các Sa-môn, là điềm lành tối thượng của người Phật tử có học pháp và hành pháp vậy. Điềm lành tiếp theo là:

*"Khắc khổ và Phạm hạnh
Thấy được lý Thánh đế
Giác ngộ quả Niết-bàn
Là điềm lành tối thượng".*

Các việc như sống Phạm hạnh kham khổ, thấy lý Thánh đế, giác ngộ quả Niết-bàn là những việc khó làm, nhưng đó cũng là các mục tiêu cần hướng đến của người Phật tử. Phạm hạnh là nếp sống chuyên sâu vào việc thực hành Giới Định Tuệ, là nếp sống thanh tịnh về giới đức, từ bỏ hay xa lìa các dục, các ác pháp, bất thiện pháp để đi vào Thiên chứng; còn sự phát triển trí tuệ giải thoát nhằm đoạn trừ các phiền não, lậu hoặc, chấm dứt sinh tử khổ đau. Thấy lý Thánh đế tức là thấy rõ về bốn chân lý: khổ, nguyên nhân của khổ, hạnh phúc, và con đường thoát khổ. Rõ ràng người Phật tử sống tại gia khó hoàn thành trọn vẹn đời sống Phạm hạnh bởi vì còn nhiều ràng buộc. Tuy nhiên, đây là các mục tiêu lâu dài mà người Phật tử cần nhắm đến, nhất là việc giữ gìn các giới đức (ngũ giới, thập thiện giới), và hành Thiên là rất cần thiết cho việc mở mang trí tuệ và tiến tu của người Phật tử. Một điềm lành khác nữa liên quan đến hành trì Thiên định là:

*"Khi xúc chạm việc đời
Tâm không động, không sâu*

*Không uế nhiễm, an ổn
Là điềm lành tối thượng."*

Thiền là nếp sống điều hòa thân tâm dựa trên pháp môn Anàpānasati (quán niệm hơi thở) của đức Phật. Thiền bắt đầu bằng việc xa lìa các dục, các ác pháp, bất thiện để tập trung năng lực vào việc theo dõi và giác tỉnh về các đối tượng. Có hai đối tượng chính trong Thiền là niệm hơi thở ra vào và quán 16 đề tài về thân, thọ, tâm và pháp. Cốt yếu của Thiền dẫn đến sự an tịnh của thân tâm, khi thân tâm đã tịnh thì hành giả sẽ tập trung niệm vào 16 đề tài Thiền quán để tiếp tục nuôi dưỡng niệm và để phát triển trí tuệ. Dĩ nhiên, Thiền là pháp môn đơn giản nhưng không dễ làm, bởi Thiền đòi hỏi sự nỗ lực kiên trì thường xuyên của người thực hành. Đặc biệt là cần phải áp dụng Thiền vào đời sống hàng ngày như là một sinh hoạt thường nhật. Ban đầu tuy khó khăn nhưng hãy tập, tập nhiều lần rồi mọi khó khăn sẽ qua đi, cho đến lúc chúng ta nhận ra Thiền là sinh hoạt không thể thiếu trong đời sống hàng ngày của chúng ta. Nhờ có Thiền, khi xúc chạm với mọi việc ở đời, tâm tư người Phật tử sẽ không bị khuấy động, không sầu muộn, và hoàn toàn được an ổn.

Bài học: *Tóm lại, muốn đạt được an vui trong cuộc sống, cần thực hiện các việc: 1/ Chọn bạn mà chơi, 2/ Siêng năng học tập, 3/ Chăm lo gia đình, 4/ Giúp đỡ thân quyến, 5/ Không làm điều xấu, 6/ Khiêm tốn & biết ơn, 7/ Nhân nhục & ái ngữ, 8/ Giữ gìn phạm hạnh, và 9/ Giữ tâm trong sạch.*

Ví dụ mũn tên

Một thời Đức Phậт ở tại vườn ông Cáp Cô Độc, rừng cây ông Kỳ Đà, thành Xá Vệ. Bảy giờ, tôn giả Ma La Cưu Ma La sau buổi trưa đứng dậy đi đến chỗ đức Thế Tôn, đến rồi lạy dưới chân đức Thế Tôn, ngồi qua một bên. Tôn giả Ma La Cưu Ma La đã ngồi qua một bên rồi, bạch Thế Tôn rằng:

-Thưa Thế Tôn, con ở chỗ vắng vẻ, khởi lên ý nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn bỏ tà kiến, trừ tà kiến, không giảng nói: “thế gian hữu thường hay vô thường, cho đến không có mạng chung”. Điều này con không muốn, con không thể chịu được, không ưa thích, nếu đức Thế Tôn một mực biết “thế gian là hữu thường” thì đức Thế Tôn cứ nói ra. Còn nếu đức Thế Tôn hoàn toàn không biết là “thế gian hữu thường” thì xin Ngài cứ nói thẳng ra là: “Ta không biết” cũng như vậy “thế gian là vô thường cho đến không có mạng chung”, nếu đức Thế Tôn hoàn toàn biết rõ thì xin hãy nói cho con rằng: “Đây là chơn thật ngoài ra là ngu si”. Đức Thế Tôn nên ghi nhận như vậy. Còn nếu đức Thế Tôn không biết “Đây là chơn thật, ngoài ra là ngu si” thì Ngài cứ nói thẳng cho con rằng “Ngài không biết”.

Này Ma La Cưu Ma La, trước đây ta có từng nói với người rằng, nếu ta nói “thế gian là hữu thường...” thì người hãy theo ta mà tu hành Phạm hạnh chăng?

-Không có, thưa Thế Tôn!

Này Ma La Cưu Ma La, trước đây người từng nói

với ta - nếu Thế Tôn một mực cho là “thế gian là hữu thường...” thì tôi sẽ theo Ngài để tu Phạm hạnh chăng?

-Không có, thưa Thế Tôn!

-Này Ma La Cưu Ma La, ta vốn không nói với người như vậy, người cũng vốn không nói với ta như vậy. Người là người ngu si, vô có tại sao lại hủy báng ta? Bây giờ, tôn giả Ma La Cưu Ma La bị đức Phật quả trách thẳng vào mặt, không lời biện bạch, im lặng. Khắp cả mình mồ hôi toát ra, cúi mặt lặng thinh.

Khi ấy đức Thế Tôn quả trách thẳng vào mặt của Ma La Cưu Ma La xong, bảo các Tỷ kheo rằng:

-Ví như có kẻ ngu si nghĩ rằng: “Ta sẽ không theo đức Thế Tôn tu Phạm hạnh, nếu đức Thế Tôn một mực nói: thế gian là hữu thường...”. Người ngu si ấy chưa kịp biết gì cả, nửa chừng thì đã chết rồi.

- Ví như có người bị trúng tên độc vào thân, quyền thuộc của y thương xót, muốn làm cho y được an ổn, được nhiều ích, cấp tốc mời thầy thuốc đến nhổ mũi tên độc ra. Khi ấy người bị trúng tên độc nghĩ rằng: Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội ta muốn biết người bắn cung họ gì, tên gì, hình dạng ra sao? Kẻ ấy cao hay thấp, hay trung bình? Kẻ ấy đen hay trắng, thuộc dòng Sát lợi hay Bà la môn, hay cư sĩ, hay thợ thuyền? Kẻ ấy ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc? Tại sao lại lấy tên bắn vào ta? Ta chưa muốn nhổ tên độc ra vội,

hãy cho ta biết cây cung làm bằng loại cây Tát la hay loại cây Đa la, hay loại cây gì?

Ta chưa muốn nhỏ tên độc ra vội, hãy cho ta biết loại gân quấn cây cung làm bằng gân trâu, gân dê hay gân mèo?

Ta chưa muốn nhỏ tên độc ra vội, hãy cho ta biết mũi tên làm bằng xương trắng, đen hay là nâu?

Ta chưa muốn nhỏ tên độc ra vội, hãy cho ta biết...

Ta chưa muốn nhỏ tên độc ra vội, điều cần yếu cho ta biết người thợ làm mũi tên sắt ấy họ gì, tên gì, hình dáng ra sao, cao thấp hay trung bình? Kẻ ấy đen hay trắng, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc?

Nhưng người ấy chưa kịp biết gì cả, nửa chừng thì nó đã chết mất rồi.

Dù thế gian có hữu thường đi nữa thì vẫn có sanh, già, bệnh, chết, có ưu sầu khốc lốc không vui. Như vậy, khối đại khổ ám này tập khởi.

Cũng vậy, cho dù thế gian có vô thường, cho đến không có mạng chung thì vẫn có sanh, già, bệnh, chết, cho đến khối đại khổ ám này tập khởi.

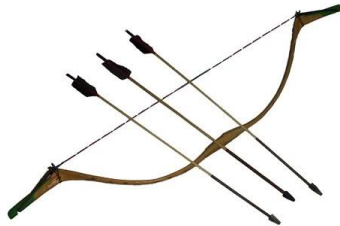
Vì vậy, ta không bao giờ giảng về “thế gian có hữu thường”, “thế gian là vô thường”... cho đến “mạng chung”. Vì sao ta lại không nói những điều đó? Vì điều đó chẳng đúng nghĩa, cũng là phi pháp, chẳng phải là Phạm hạnh, không thành thần thông, không

đưa đến chí đạo, không tương ưng với Niết bàn, cho nên ta không nói.

Vậy vấn đề gì ta một mực nói? Ta một mực nói đến: “Đây là khổ”, “Đây là khổ tập”, “Đây là khổ diệt”, “Đây là bát chánh đạo”... Vì sao vậy? Ta một mực nói về những vấn đề ấy là vì nó có ý nghĩa đối với cuộc sống của mỗi người, nó là pháp, hướng tới giải thoát, tu hành Phạm hạnh, cho đến đạt đạo, an vui, Niết bàn... cho nên ta một mực nói đến.

Những điều ta không nói đến thì nên bỏ đi, còn những điều ta nói đến thì nên thọ trì. Đức Phật nói như vậy, các Tỷ kheo nghe Thế Tôn nói xong, hoan hỷ vui mừng và vâng theo lời dạy.

Bài học: *Cốt yếu của việc tu học là phải tập trung vào thực hành những lời Phật dạy, như: Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Thiền Định, Niết bàn... Không nên đi sâu tìm hiểu những lý thuyết siêu hình, như: thế gian là thường hay vô thường, con người sinh ra từ đâu, từ bao giờ... Những điều đó chỉ giúp thỏa mãn sự tò mò về trí óc, mà không có ý nghĩa thiết thực gì đối với việc tu học, thoát khổ và tìm kiếm hạnh phúc của mỗi người.*



Nắm tro tàn

Thuở Đức Phật còn tại thế, một hôm có người mẹ ôm xác con tìm đến Đức Phật để khóc lóc và xin cứu sống cho đức con của bà vừa mới chết.

Người mẹ đau khổ tin vào thần thông và lòng từ bi vô biên của Đức Phật sẽ cứu sống cho con mình.

Đức Phật thông cảm nỗi khổ đau của người mẹ mất con và truyền cho bà đi xin một nắm tro mang về Ngài sẽ cứu. Nắm tro đó phải ở trong một căn nhà mà 3 đời chưa có người thân thích chết.

Người mẹ đau khổ vâng lời và ôm xác con vào xóm để xin tro tàn theo lời Đức Phật dạy. Nhưng đi từ trưa đến tối, nhà này sang nhà khác, bà mẹ đau khổ đều nhận được những câu trả lời giống nhau: “Gia đình chúng tôi cũng có người đã chết”. Chưa tuyệt vọng, người mẹ đau khổ vẫn cố gắng đi thêm vài nhà nữa. Vì sợ nắm tro xin trong một gia đình có người chết sẽ không linh nghiệm nên bà mẹ thương con vẫn cố gắng kiếm tìm.

Vẫn như những lần trước, bà mẹ đau khổ đều nhận được những cặp mắt e ngại, những cái lắc đầu.

Suy đi tính lại, đã hơn một buổi và không nhớ rõ là đã vào mấy gia đình, người mẹ tuyệt vọng lắm lắm: “Nhà nào cũng có thân nhân đã qua đời: thân thích, họ hàng ba đời biết bao nhiêu, làm sao tránh được cái chết”. Trên đường trở về tìm Đức Phật, người mẹ mất con không còn kêu gào thảm thiết như lúc trước, tuy lòng thương nhớ con vẫn chưa

ngươi. Quỳ trước Đức Phật, người mẹ mắt con kể rõ chuyện đi vừa rồi và thuật lại những lời từ chối của chủ nhà.

Nhân đó, Đức Phật giảng về sự sanh tử, vô thường của kiếp người. Có sanh tất có tử, có vui ắt có khổ, có sống tất có chết...

Người mẹ mắt con đã thấu rõ lẽ sanh tử, vô thường. Bà hiểu rằng không riêng gì mình đau khổ vì có người thân qua đời, mà hầu hết mọi người đều nhận chịu định luật sinh-tử đó. Cuối cùng, người mẹ đành ôm xác con về chôn cất.

Bài học: *Con người sinh ra đời ắt phải có lúc chết đi, đó là quy luật muôn đời áp dụng cho tất cả mọi người trên thế gian. Quy luật này được tóm tắt trong 4 chữ: Sinh, Lão, Bệnh, Tử. Vì vậy, cần hiểu cái chết là lẽ đương nhiên, và có thái độ bình tĩnh, chấp nhận khi nó đến với người thân của mình hay với chính bản thân mình.*



Người mẹ

Nắng hồng bắt đầu tươi thắm trên muôn ngàn cây cỏ. Những tiếng chim ríu rít hòa lên khúc nhạc tung bùng. Đàng xa, một dáng điệu oai nghiêm bệ vệ trong chiếc y vàng, hào quang chói lọi, khoan thai lần bước với chiếc gậy trúc tằm màu sương nắng. Đây chính Đức Phật.

Như thường lệ mọi lần nắng lên Ngài đi khát thực. Ngài chỉ sống bằng những hạt cơm cúng dường của những tâm hồn mộ đạo; nhân đó để giáo hóa mọi người, quay về đường thiện.

Đức Phật đến nhà ông Đê Đô, một nhà có tiếng giàu sang nhất, nhưng cũng không kém phần ích kỷ. Chủ đi vắng, con chó nằm trước cửa đôi mắt đỏ ngầu cau lại như phóng ra những tia lửa hung ác. Nhanh nhe khỏi mồm như sẵn sàng một thứ khí giới trắng nhọn vô cùng ghê tởm. Nó gừ một hơi rồi nhảy chồm đến Ngài theo một tiếng “Gâu” dữ dội.

Không chút sợ hãi hay hoảng hốt, Ngài thản nhiên ôn tồn nói: “Người hãy im”. Con chó chỉ đưa mình lui để lấy thể, rồi nhanh như chớp chồm lên cao. Nhanh tay nhưng rất dịu dàng, Ngài đỡ lấy hai chân trước, âu yếm thốt ra những lời đầy thương hại: “Người hãy bớt nóng, ta hiểu... người chính là mẹ của chủ nhà này. Kiếp trước người rất hung ác tham lam. Lâu đài nguy nga đây, tất cả châu báu đây, chính người đã xây dựng trên bao nhiêu mồ hôi nước mắt của mọi người. Người đã không chút thương tâm thẳng tay đục khoét tận tủy tận xương từ những người giàu cho đến kẻ bần cùng. Mãi đến

giờ phút trước khi tắt thở người vẫn còn tâm niệm độc ác và tiếc nuối những của cải, nên...người bị đọa, đầu thai vào kiếp chó và trở lại đây bo bo giữ lấy tài sản ấy. Thế mà người không lo tu tỉnh còn mãi tham lam tàn ác!”

Oai đức của Phật đã nhiếp phục được tâm hồn đen tối. Con chó im lặng, buồn bã gục đầu xuống đất. Đức Phật nhẹ nhàng lui bước. Đôi mắt chó tắt hẳn những tia lửa hung tàn, đọng lại trên đôi mi những ngấn lệ đau thương, chán nản nhìn theo Ngài cho đến khi khuất dạng sau màn cây.

Từ đó chó bỏ ăn uống và không còn muốn nhếch bước đi đâu. Cử chỉ ấy làm cho Đế Đô phải ngạc nhiên và lo sợ. Trước kia chó rất mạnh mẽ, giữ nhà cẩn thận; mỗi lần người lạ mặt vào không khỏi hét hồn với nó. Thế mà nay nó chỉ nằm trong xó không một hơi sủa.

Đế Đô tìm cách tra hỏi đứa ở của ông, nó kể lại chuyện Đức Phật đến khát thực: “Không hiểu Ngài làm gì chó ta mà từ đấy nó buồn đau đớn”.

Ông đỏ bừng mặt lên, vô cùng cảm tức, la hét vang nhà như một kẻ điên dại, rồi chạy tìm ngay Đức Phật để nhiếc mắng và đòi bồi thường. Trước cử chỉ hung hăng tàn bạo của ông ta, Đức Phật vẫn vui vẻ điềm đạm bảo:

- “Ta sẽ nói cho người hay, nhưng người phải dịu lòng đi đã. Nhờ công năng tu tập ta đã chứng được Túc mạng minh, thấy rõ kiếp trước của mọi người, nên ta biết chó kia chính là mẹ người kiếp trước, vì

quá tham lam tàn bạo nên nay phải hóa thân vào kiếp chó để trở lại giữ cửa cải cho nhà người”.

Đế Đô cướp lời: “Những lời nói của ông đều là huyền hoặc vu khống tôi không thể tin được”.

Đức Phật đáp: “Sự thật chính là thế. Vì thương mẹ con người nên ta mới nói cho người rõ. Người không tin về đào lên phía dưới giường nơi chó thường nằm, sẽ thấy một lọ vàng”.

Lòng tham lam của Đế Đô đã dẫn được cơn giận, vội vàng hỏi: “Thật không ông? Sao ông biết?”

Phật đáp: “Lọ vàng ấy trước kia mẹ người chôn, nhưng vì khi lâm chung không kịp trời lại, nay mẹ kia-chính chó ấy - thường nằm trên đó để giữ cho người. Người làm theo lời ta sẽ hiểu ta nói đúng hay sai”.

Từ nét mặt sung sướng, ông ta trở thành đau đớn vì đã có một niềm tin bé nhỏ len qua con người sân hận tham lam thắm vào trái tim hồng. Quả nhiên, bới lên, một lọ lớn đầy cả vàng với vàng, nhưng vàng không còn gọi được lòng tham của Đế Đô.

Ông ôm lấy chó khóc nức nở vô cùng ăn năn. Đoạn đến quỳ bên Đức Phật đôi mắt đầm đìa lệ cảm, run lên những lời cầu khẩn thiết tha, xin sám hối tội lỗi và nhờ Phật chỉ phương cứu mẹ thoát khỏi những cảnh giới khổ đau. Đức Phật liền bảo:

- “Nay người đã biết ăn năn, thế là người đã có thể trở lại con đường lành. Người là một người con có

hiếu. Nhưng nghiệp chướng của mẹ người quá nặng. Người hãy phát tâm quy y Tam bảo, thọ trì ngũ giới và đem hết lòng thành kính sám hối cho mẹ người; đem tiền của bố thí cho mọi người, và cúng dường Tăng chúng. Nhờ công đức ấy, mới mong cứu khổ cho mẹ người được. Khổ hay sướng là do mình tự gây lấy, ta chỉ là người giác ngộ, chỉ lại cho chúng sanh con đường giải thoát”.

Đế Đô vâng lời Phật dạy, ngoài sự chí thành cầu nguyện, còn đem gia sản bố thí cúng dường...Không lâu, một hôm, chó đuổi mình khoe khoán tằm thắm rồi buông ra một hơi thở dài. Không còn là hơi thở đầy luyện tiếc tham lam muốn bám víu lấy sự sống mà lại là một hơi thở đầy sung sướng và thỏa mãn.Chó đã chết.

Nhưng, chó ấy-mẹ của Đế Đô-sẽ về đâu. Kiếp sau như thế nào?Tối hôm sau, trong giấc mộng, Đế Đô thấy trên nền trời xanh cuộn lên những vòm mây trắng, uốn dòn đến trước mặt người. Từ trong đó hiện ra một dáng người đàn bà hiền dịu, ân cần vỗ nhẹ lên vai Đế Đô và nói:

- “Từ lâu vì làm lỗi, mẹ đã tham lam độc ác quá nhiều nên bị đọa vào những cảnh giới khổ sở, đau đớn vô cùng. Chó hôm trước chính là mẹ đây con. Con ơi, con nghĩ đến đời sống con chó, con sẽ hình dung được nỗi khổ của mẹ hồi ấy”.

- “Nay nhờ Đức Phật cứu độ và lòng hiếu thảo của con, mẹ đã thoát khỏi kiếp đau thương, được vãng sanh vào thế giới đầy sung sướng an vui. Thật cái luật nhân quả không ai tránh khỏi. Đúng là, gieo

nhân gì gặt quả ấy. Tham lam tàn ác bị lắm than; tu nhân tích đức sẽ được an vui tự tại. Từ đây con hãy vâng lời Phật dạy, gắng công tu học. Thôi mẹ từ biệt con...”.

Bài học: Ở đời, cần phải biết tu nhân, tích đức, làm việc lành để hướng đến một đời sống tốt đẹp hơn ở tương lai. Của cải, tiền bạc, danh vọng... của một đời vất vả cũng không thể mang theo khi rời khỏi thế gian này, chỉ có những công đức, nghiệp thiện đã làm sẽ giúp mình có được một cuộc sống an vui, hạnh phúc ở kiếp vị lai.



Bà lão bệc

Trưởng giả Tu Đạt tại thành Xá Vệ nước Ấn Độ là một vị "đại thí giả", hễ có người nghèo khổ bần cùng đến cầu xin ông cứu giúp, ông liền làm cho người ấy được toại ý. Nhất là đối với Tam Bảo (Phật-Pháp-Tăng) thì ông lại càng cung kính tôn thờ, thường thường cúng dường đức Phật và chư tăng.

Trong nhà ông trưởng giả Tu Đạt có một bà lão bệc làm công, rất trung thành với chủ và làm việc rất siêng năng, nên được trưởng giả một lòng tín nhiệm. Chia khóa nhà kho, vừa lúa đều do một tay bà nắm giữ.

Bà lão bệc này tính nết rất keo kiệt, mỗi khi thấy chủ nhân lấy từ kho ra bao nhiêu là tiền bạc của cải để bố thí cho người là trong lòng bà không khỏi cảm thấy tiếc rẻ.

Nhưng điều làm cho bà bất mãn hơn cả là lúc bà thấy đức Phật và chư vị đệ tử đến nhà trưởng lão thọ cúng dường. Bà thấy lúc đó trưởng giả vô cùng nhiệt thành, hoan hỉ nghênh tiếp và cúng dường đức Phật. Tâm ganh tị như thiêu như đốt khiến bà ghét đức Phật thậm tệ.

Có một hôm bà còn lập ác nguyện rằng: “Tôi vĩnh viễn không muốn thấy mặt Phật, không muốn nghe ông ta thuyết pháp cũng không muốn thấy mặt mấy ông tỳ kheo”.

Thật là chuyện tốt không ai hay, mà chuyện xấu thì ai cũng biết, nên tin bà lão bộc phát ác nguyện chẳng mấy chốc lan truyền khắp mọi nơi.

Lúc ấy, hoàng hậu Mạt Lợi nghe kể lại, rất lấy làm phật ý. Hoàng hậu biết trưởng giả Tu Đạt là một vị Phật tử thuần thành, thì sao lại dung dưỡng trong nhà một bà nô bộc bất kính Tam Bảo như thế ? Do đó, hoàng hậu hạ lệnh yêu cầu trưởng giả phải cho bà mượn bà lão bộc đến hoàng cung giúp việc nhân dịp bà lập đàn trai cúng dường đức Phật.

Trưởng giả Tu Đạt dĩ nhiên không dám trái lệnh hoàng hậu. Đằng này, mục đích lại là giúp cho việc cúng dường đức Phật thì ông lại càng tình nguyện hơn nữa. Trưởng giả lập tức dùng mâm vàng đựng đầy trân châu, sai bà lão bộc đem đến hoàng cung để cúng dường đức Phật.

Hoàng hậu ra ý, chủ nhân truyền lệnh, bà lão bộc đâu dám không tuân ! Khi Mạt Lợi phu nhân thấy bà lão bộc này, bà nghĩ phải thỉnh đức Phật dạy dỗ con người tà kiến như thế mới được !

Bà lão bộc đem trân châu đến dâng lên hoàng hậu rồi, vừa mới quay người tính lui đi thì đức Phật từ cửa chính bước vào, theo sau là các vị đệ tử của Ngài. Bà lão thấy đức Phật bước vào đâm ra bối rối, cất bước lên tính trốn bằng cửa sau, thì quái lạ thay, đức Phật cũng lại từ cửa sau bước vào. Lần này bà cuống cuống lên, tính chạy bằng cửa bên hông nhà, nhưng cũng lại thấy đức Phật đứng ngay ở ngưỡng cửa bên hông. Bà lão bộc thấy tứ phương tám hướng đâu đâu cũng có đức Phật và chư vị đệ tử

đứng, bà tiến hay lùi gì cũng khó khăn, đành phủ phục xuống đất. Nhưng trên mặt đất, bà vẫn thấy tôn tượng của Thế Tôn. Bà vội vàng dùng hai tay bịt kín lấy mắt, để mắt mình không gặp hình ảnh của đức Phật nữa nhưng trong khoảnh khắc, mười ngón tay của bà đều hiện lên hình Phật. Bà không cần biết hậu quả ra sao, ba chân bốn cẳng chạy về, trốn vào một căn nhà nhỏ, những tưởng là sẽ không còn thấy đức Phật nữa. Nhưng cũng như trước, trong gian phòng đen tối ấy, đâu đâu cũng có đức Phật nên bà lão bộc rất lấy làm đau khổ.

Lại nói đến đức Phật Thích Ca Mâu ni, Ngài không nói gì về thái độ vô lễ của bà lão bộc, chờ thọ cúng xong xuôi mới nói với La Hầu La: “Bây giờ con có thể đi hóa độ cho bà lão ban nãy. Bà ấy với con có nhân duyên lớn, bà ấy sẽ tiếp đón con nồng hậu và sẽ chấp nhận sự giáo hóa của con”.

Tôn giả La Hầu La tuân lệnh đức Phật đi ngay, ngài từ biệt Như Lai rồi đến nhà bà lão bộc nọ, đứng trước nhà kêu cửa.

Bà lão đang trốn trong nhà, chợt nghe một giọng nói hòa nhã thân thiết, bèn vội vàng chạy ra mở cửa nhìn xem là ai. Có lẽ trong lòng còn hoảng hốt, lại hoa mắt nên thấy ngài La Hầu La, bà ngỡ là người từ cõi trời xuống.

Bà lễ lạy và đối xử với La Hầu La như thần thánh, tôn giả bèn dùng thái độ trang nghiêm thuyết cho bà lão nghe pháp thật thiện.

Bà lão nghe rồi, hồi hận những lỗi lầm đã tạo trong quá khứ, và nói: “Ngài là chúa tể cõi trời, ngài quả là cao cả, vì thế nhân chúng con mà thuyết thiện pháp vì điều để lợi lạc chúng sinh, ngài thật là phi thường hơn mấy ông tỳ kheo kia nhiều !”

Lúc ấy, La Hầu La biết bà đã bót tâm ngã mạn, mới trả lời: “Pháp của Phật mới là thanh tịnh, mới là từ bi quảng đại. Pháp mà tôi mới nói ban nãy là do thầy tôi dạy. Phận tôi nhỏ nhoi không đáng kể, làm sao so sánh với bậc đại thánh Như Lai được ?”

Lão bà nghe những lời ấy, định thần nhìn kỹ lại, nhận ra ngài La Hầu La, lúc đó mới sinh tâm tầm quý hổ thẹn, không biết làm sao để chui xuống đất. Bà hồi hận, bà tự trách mình, rồi bà khẩn cầu ngài La Hầu La giúp bà sám hối với đức Phật và can thiệp cho bà được xuất gia.

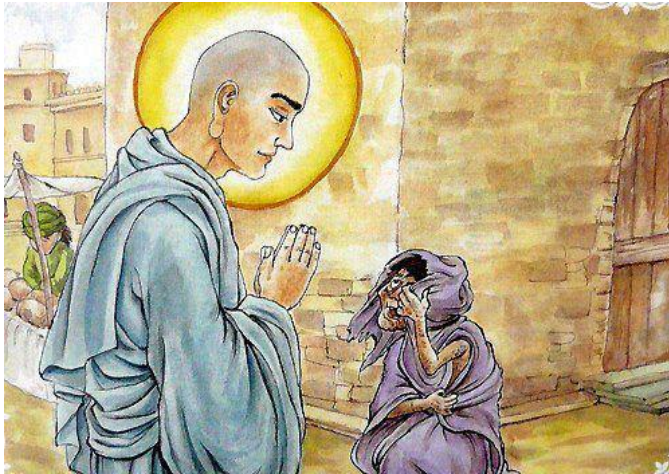
Phật pháp vốn bình đẳng, giữa người cao sang như vua chúa hay người bần tiện như nô tỳ không hề có sự sai khác. Bà lão bộc nộ, sau khi đến trước mặt Phật sám hối rồi, bèn xuống tóc xuất gia làm tỳ kheo ni.

Bà chuyên tâm tu học nên chứng được quả vị rất mau lẹ. Có người thấy thế, bèn đến xin đức Phật thuyết giảng về nhân duyên quá khứ của bà lão bộc này. Phật kể rằng: “Xưa kia, thời Phật Bảo Cái Đấng Vương có một vị thái tử xuất gia học đạo với Như Lai. Thật ra, vị hoàng tử này tu hành trì giới rất tinh chuyên, nhưng lại lầm lạc theo đường tà. Về sau hoàng tử gặp một vị tỳ kheo, vị tỳ kheo này thuyết pháp dẫn đạo rất hay, nhưng hoàng tử không

những không tán thán còn đem lời phỉ báng, bởi vì tuy trì giới nhưng lại rất ngã mạn tà kiến. Do đó chết rồi đọa ác đạo, chịu đủ hết mọi sự thống khổ trong địa ngục, nay tuy sinh thân người nhưng lại chịu phạt nô bộc. Vị hoàng tử thời nọ chính là bà lão bộc trong kiếp này và vị tỳ kheo bị hủy báng kia chính là ta trong quá khứ”.

Các vị đệ tử của đức Phật nghe xong, họ thấy rõ ràng là không thể tạo khẩu nghiệp, nhất là hủy báng người khác, vì quả báo xấu xa của tội này, đâu có tu hành trì giới cũng không ngăn chặn được.

Bài học: *Trong quá trình tu tập, cần phải kiểm soát tâm mình, tránh cống cao, ngã mạn, khinh người. Tâm xấu này sẽ dẫn ta đến những lời nói xấu, ác, hành động vô lễ, bất kính. Điều này sẽ là nhân cho những quả báo khổ đau, bất hạnh trong tương lai.*



Hóa độ tướng cướp Vô Nã

Tại xứ Kiêu Tát La (Kosala), có một tướng cướp vô cùng hung bạo, tên là Vòng tay đeo (Angulimala, Ươm quật đa la), hay thường gọi là kẻ Vô Nã.

Thân phụ của hắn là một quan đại thần triều vua xứ Kiêu Tát La. Vô Nã theo học tại Taxila, một trung tâm nổi tiếng của xứ Kiêu Tát La, phía bắc Ấn Độ. Là một học sinh giỏi, Vô Nã được các thầy giáo thương mến. Vì thế Vô Nã bị các bạn đồng học ganh tỵ, tìm cách ám hại. Do tin lời nịnh bợ của học sinh, nhất là lời thêm thắt nói xấu Vô Nã, thầy giáo trở mặt thù ghét Vô Nã. Một hôm, để thỏa mãn sự hiềm khích, thầy giáo bắt Vô Nã chuộc tội bằng cách nộp một ngàn ngón tay út của con người. Để có thể trở lại con đường học vấn, Vô Nã đành theo lời thầy, vào rừng Jalini rèn dao và đi giết người.

Lúc đầu, mỗi khi chặt được một ngón tay của người nào, Vô Nã đem treo ở cành cây. Nhưng qua điều ăn đã hết các ngón tay của Vô Nã chặt được. Để khỏi bị mất mát, Vô Nã lấy dây khâu các ngón tay, kết thành vòng, đeo vào cổ. Tiếng hung dữ của Vô Nã được lan truyền, mọi người đều khiếp sợ. Khi Vô Nã đến đâu, mọi người đều tìm phương chạy trốn. Do đó, khi đã chặt được 999 ngón tay, Vô Nã chạy khắp nơi mà vẫn không thể giết thêm được một người nào để có đủ số ngón tay phải nộp theo lời thầy phán.

Để đem lại an lạc cho dân chúng, đồng thời để giúp Vô Nã trở lại con đường lương thiện. Đức Phật vận sức thần thông đến trước mặt Vô Nã. Khi thấy Phật đi đằng trước. Vô Nã rất mừng, vì sẽ không còn thiếu một ngón tay sau cùng, Vô Nã vác dao hăm hờ đuổi theo Phật. Dù Phật đi rất khoan thai, nhưng Vô Nã không thể nào đuổi kịp. Khi đã mệt nhoài, Vô Nã dừng lại và gọi lớn: "Này Đạo Sĩ! Hãy dừng chân"

Phật từ tốn trả lời: "Dù đang đi, ta đã dừng chân từ lâu. Còn nhà người đã dừng chân hay chưa?"

Không hiểu được ý Phật, Vô Nã thấy Phật đang đi mà lại nói đã dừng chân. Còn mình đang đứng yên, Phật lại hỏi đã dừng chân hay chưa? Vô Nã yêu cầu Phật giải thích, Phật nói:

"Này Vô Nã! Ta đã mãi mãi dừng chân. Đối với chúng sinh ta không bao giờ dùng bạo lực. Để trở lại con người lương thiện, người hãy dừng tay chớ giết đồng loại. Bởi thế, ta nói: Ta đã dừng chân và yêu cầu người cũng hãy dừng lại".

Dù ác đến đâu, nhưng lòng vẫn còn chút thiện hạnh, Vô Nã cảm nhận được từ tâm của Phật, muốn đưa mình ra khỏi con đường độc ác. Liền khi đó, Vô Nã buông dao và xin Phật được xuất gia.

Dù đã là Tỳ kheo, lòng vẫn chưa hoàn toàn yên ổn, Vô Nã luôn luôn nghe văng vẳng bên tai tiếng than khóc của những người do mình giết hại. Một hôm, trên đường đi khát thực, Vô Nã bị nhiều người ném đá, đánh đuổi, lỗ đầu. Trở về hỏi Phật lý

do, Phật cho biết, đó là hậu quả do ác nghiệp của Vô Nã đã gây ra từ trước. Một hôm khác, cũng trên đường đi khát thực, Vô Nã gặp một phụ nữ than khóc vì sinh con không được, yêu cầu Vô Nã giúp đỡ. Không thể giúp được, Vô Nã liền trở về hỏi Phật phương thức. Phật bảo Vô Nã hãy đến trước người phụ nữ đau đẻ và nói lời này:

"Này bà chị! Từ khi tôi sinh trở lại trong hàng Thánh chúng, tôi không còn giết hại bất cứ một loài nào. Cầu mong lời nói này giúp bà chị hết đau đớn và sinh nở được mệ tròn con vuông".

Học thuộc lời Đức Phật, Vô Nã liền trở lại nơi phụ nữ đau bụng sanh và đọc lớn lời Đức Phật. Bỗng chốc, người phụ nữ hết đau và sinh con an toàn. Từ đó, ngày nay các nước Phật giáo Nam truyền, người ta thường đọc lời của Vô Nã để làm dịu cơn đau sanh sản cho người phụ nữ. Về sau, nhờ tinh tấn tu tập, Vô Nã đã chứng quả vị A La Hán.

Bài học: *“Buông bỏ đồ đao, lập địa thành Phật” – con người dù ác đến đâu, như một tướng cướp, một khi đã thức tỉnh, ăn năn hối lỗi, quyết chí tu tập thì vẫn có thể thành Phật. Vô Nã là bài học cho những ai đã phạm những ác nghiệp nên học hỏi, để có thể sám hối, quay về con đường sáng, nhờ đó, có thể cải nghiệp và sống an lạc trong pháp Phật.*

Tại sao phải niệm Phật?

Thành Thắt La Phiệt có một ông hoàng táng rất hung bạo. Thêm vào đó, quyền thế và địa vị của ông có thể giúp ông thủ tiêu tội án trước pháp luật. Chưa một lời phải, một đạo giáo nào có thể cảm hóa được người như ông.

Một hôm ông gặp Phật khi ngài đang du hóa xứ này. Mới thấy, lòng ông bỗng cảm phục như voi dữ trước người quản tượng. Ngài đã dạy ông vài lời sơ lược rằng: “Hãy tưởng niệm Phật Đà, hãy từ bi thương người, và sốt sắng cứu người”.

Ông cung kính vâng lời. Nhưng khi về đến nhà, vừa thấy người hành khát, ông liền dùng đũa chọc giận. Lời vàng của Phật không còn trong lòng của ông nữa, khi ông toan đánh đuổi người. Bỗng sực nhớ lại hình dáng từ nghiêm của Phật, ông liền dịu lại, nhưng không bố thí chút gì.

Tối hôm đó vợ ông lấy làm lạ, gạn hỏi đầu đuôi. Ông bèn tuần tự thuật lại. Nhờ thuật lại, ông nhớ lại rõ ràng hình dung Đức Phật và lời Ngài dạy. Đêm hôm ấy ông suy nghĩ mông lung. Ông nghĩ: “Nhớ Phật, phải nhớ đến người nghèo khổ, tưởng Phật phải tưởng đến người nghèo khổ”.

Rồi trời mới sáng ông liền đi tìm Phật. Giữa đường gặp một người hành khát ốm liệt bên vệ đường. Nhớ đến lời Phật dạy, ông đến ân cần hỏi han và dốc hết tiền túi ra cho. Người ấy e sợ, cảm ơn rồi rít. Nhưng ông chỉ bảo: “Vì tưởng nhớ Phật, nên tôi

giúp anh. Anh nhận tiền này khiến tôi được phước, thế là tôi chịu ơn anh, chớ nào anh có mang ơn gì với tôi”.

Người hành khất nghe thế, lầy làm lạ, vì không lạ gì tánh nết của ông và uy danh của Đức Phật nữa. Bỗng nhiên người ấy cất tiếng niệm: “NAM MÔ PHẬT ĐÀ” (kính lễ đáng Giác Ngộ). Ông hoàng cũng bắt giác niệm theo và đi mau tìm Phật.

Khi gặp được Phật ông thuật lại rõ đầu đuôi mọi việc. Nghe xong, Đức Phật mỉm cười hiền từ bảo: “Phải! Niệm Phật, ông hãy tưởng niệm người nghèo khổ. Tưởng niệm người nghèo khổ là tưởng chư Phật đó”.

Bài học: *Niệm Phật hay nhớ nghĩ đến Phật, là luôn ghi nhớ hạnh từ bi và trí tuệ của Ngài. Do đó, người thường niệm Phật là người biết nhớ và áp dụng lời Phật dạy trong cuộc sống. Đó là: “Thân làm việc ích lợi, Miệng nói điều phải, Ý nghĩ những sự tốt đẹp, Như thế là niệm Phật”.*



Vàng Hay Rắn

Khi Đức Phật còn tại thế, một hôm Ngài cùng hai vị đại đệ tử A Nan và Nan Đà từ non Thuru Lãn đi xuống kinh thành khát thực. Đi giữa đường, ngang qua một bờ ruộng, Ngài thấy một hủ vàng.

Đức Phật dừng lại bảo A Nan rằng: “Này A Nan! Người có thấy đây là một loài rắn độc không?”.

Ngài A Nan cung kính bạch rằng: “Bạch Thế Tôn thật là một loài rắn độc đáng sợ hãi”.

Có chàng tiểu phu đứng gần nghe vậy, tưởng có rắn độc thật vội vàng đến xem.

Khi đến nơi, anh thấy một chiếc hủ có niêm phong cẩn thận. Mở ra xem, anh mừng quá vì thấy toàn là vàng và ngọc quý. Anh cười thầm Phật và đệ tử Ngài không biết dùng thứ ấy, còn cho nó là rắn độc. Anh ta cẩn thận đặt hủ lại, rồi hớn hờ mang về. Trước khi đem về, anh ta sung sướng la lên rằng: “Tôi xin nguyện con rắn độc này luôn luôn cắn tôi và cắn cha mẹ, vợ con, quyến thuộc tôi. Tôi không cảm thấy đau đớn gì hết”.

Anh chàng tiểu phu kia bỗng chốc trở nên một người giàu có kiêu sa: nào là nhà cửa, ruộng vườn, tôi tớ, bò trâu, xe cộ, cực kỳ sung túc và lộng lẫy. Làng xóm thấy vậy đâm ra nghi kỵ, không biết anh vì sao giàu sang đột ngột như vậy?

Tiếng đồn vang đến tai vua A Xà Thế. Vua cho sứ giả đến hỏi: “Có phải nhà ngươi được của kén của nhà vua chăng?”.

Anh ta ấp úng trả lời: “Tôi giàu là tôi giàu, tôi cũng không được chi của nhà vua cả”.

Sứ giả về tâu lại với đức vua. Vua cho gọi anh đến hỏi. Anh cũng ấp úng trả lời như cũ. Cho là người gian, vua ra lệnh tịch thu gia tài điền sản và bắt anh ta và tất cả bà con quyến thuộc đem đi hành hình. Khi đi giữa đường anh ta khóc lóc, buồn bã và la lớn rằng: “Ngài A Nan ơi! Thật là một thứ rắn độc! Rắn độc nó đang cắn tôi và cắn bà con quyến thuộc của tôi đây”.

Theo luật vua A Xà Thế, một vị vua thực hành Phật Pháp, mỗi khi muốn xử tử một người nào, giữa đường nếu có gì lạ phải trở về tâu lại ngay. Bọn lính nghe chàng ta gọi mãi tên Ngài A Nan, một đệ tử của Phật, bèn trở về tâu lại vua hay.

Vua đoán chắc có chuyện lạ, nên ra lệnh hoãn xử tử, đem anh về. Vua hỏi lại, lần này anh ta mới chịu thừa thiệt nguyên do được hủ vàng ở bờ ruộng. Nghe xong, vua cảm động ân hóa dụ của Đức Phật và bảo chàng tiều phu rằng: “Tội ngươi đáng chết, nhưng may duyên gặp Đức Thế Tôn. Ta cũng là người Phật tử, ta phóng thích cho người và bà con người. Người được phép đem gia tài và châu báu về. Người phải đổi tự tâm tu theo thiện nghiệp và hết lòng cung kính cúng dường Tam Bảo”.

Chàng tiểu phu được phóng thích, sung sướng vô cùng. Cảm mến ân Phật được sống, chàng về chỉ lo tu phước đức và hết lòng cúng dường Tam Bảo. Không bao lâu, nhờ công đức và lòng thành kính tu hành, anh ta được chứng quả giải thoát.

Bài học: Tiền bạc, của cải là thứ yêu thích đối với người thế gian, nhưng là rắn độc đối với người tu hành, hiểu biết, bởi nó có thể làm con người mê đắm và sa ngã. Muốn có an lạc, hạnh phúc trong cuộc sống, ta phải làm chủ tiền bạc, đừng để tiền bạc làm chủ ta.



Lời Dạy Cuối Cùng

Tám mươi mùa xuân đã qua từ ngày Phật xuất thế dưới cây Vô ưu. Bảy giờ Ngài vào hạ ở rừng Sa-la trong xứ Câu-ly cách thành Ba-la-nại chừng 120 dặm. Một hôm, Ngài bảo ông A-nan:

– A-nan ơi! Đạo ta nay đã toàn vẹn. Như xưa ta đã nguyện, nay ta đã đủ bốn chúng trong tăng đoàn, là: tăng, ni, phật tử nam, phật tử nữ và nhiều đệ tử có thể thay ta chuyển xe Pháp. Còn trong dân gian, Đạo ta truyền khắp nơi. Bây giờ ta có thể rời các người mà ra đi. Và lại, nay ta cũng đã 80 tuổi rồi. Thân hình ta bây giờ như một cỗ xe đã mòn rã, nếu còn đi được là nhờ những sợi dây ràng rịt các bộ phận với nhau. Ta sẽ mở dây cho chúng tan rã. Thân này ta đã mượn làm xe để chở Pháp, nay xe cũng vừa mòn mà Pháp cũng đã lan khắp, ta còn nần ná làm gì trong cái thân tiều tụy này nữa? A-nan, trong ba tháng nữa, ta sẽ nhập Niết-bàn.

Nghe Phật dạy, ông A-nan gieo năm vốc xuống đất, bạch:

– Thưa Thế Tôn, Ngài thường dạy rằng ai đã giác ngộ thì không thể mất đi được. Nay Thế Tôn là một bậc toàn trí, toàn năng, sao lại còn phải chịu cái luật tầm thường như thế?

Phật nghiêm nét mặt lại hỏi:

– A-nan! Người bảo cái gì mất mà cái gì còn ? Sao người không nhận được cái gì chơn mà cái gì giả, cái gì tồn tại mà cái gì tiêu hủy? Ta đã nhiều lần

dạy rằng, đã có đến thì có đi, có hợp thì có tan, có sanh thì có diệt. A-nan, thân ta không khác thân mọi người; mà thân mọi người làm sao thoát ra ngoài luật vô thường được? Thân ta là giả hợp, nó phải tan rã. Nhưng A-nan! Làm sao người thấy một làn sóng tan, người lại bảo nước không còn nữa?

Ông A-nan cũng biết như thế lắm. Nhưng ý nghĩ trong ba tháng nữa, Phật sẽ không còn tại thế để chỉ dạy cho chúng sanh, làm ông bồn chồn tâm trí. Ông đánh bạo nài xin Phật ở lại một lần nữa:

– Bạch Thế Tôn, xin Ngài hãy ở nán lại vì rất nhiều đệ tử còn phải nhờ đến sự chỉ giáo của Thế Tôn để chúng đạo.

– A-nan ơi! Chính vì muốn để cho họ mau chứng đạo mà ta nên đi. Nếu chim mẹ cứ mớm mồi mãi cho con, thì đến bao giờ chim con mới bay được? Gần nửa thế kỷ, họ quanh quẩn bên chân ta, bây giờ phải đến lúc họ rời ta để tự bước tới, như đứa trẻ mới tập đi, phải có một lúc rời tay mẹ.

Tin Phật sắp vào Niết-bàn lan dần như một hơi gió thoát từ hang lạnh. Các đệ tử như đàn cừ tản mác trên cánh đồng Ấn Độ, lục tục kéo nhau về để cùng đấng Dẫn Đường chia ly lần cuối.

Trong mấy tháng ấy tuy thân hình Ngài đã gầy còm, mệt mỏi, Phật vẫn đi truyền giáo như thường. Nhưng Ngài không đi xa, chỉ quanh quẩn trong địa hạt xứ Câu-ly. Ông A-nan thường xin Ngài hãy tịnh dưỡng trong những ngày cuối cùng của Ngài. Nhưng Ngài khoát tay từ chối, mà dạy:

– Thân ta tuy có kém khoẻ, nhưng lòng Từ bi của ta, Trí sáng suốt của ta có kém sút đâu? Ta còn tại thế ngày nào thì ngày ấy phải là ngày không vô ích.

Một hôm, Phật đi thuyết pháp ngang một khu rừng, có một người tên là Thuần-đà, làm nghề đốt than đến quỳ trước Phật:

– Kính lạy Ngài, ở đây làng mạc không có, mà trời sắp đứng trưa, xin Ngài hãy về nhà con ở gần đây thọ trai rồi hãy đi. Con nghe Ngài qua đây nên đã đi hái một thứ nấm rất quý để dâng Ngài, xin Ngài đừng từ chối mà tủi nhục lòng con.

Phật im lặng cùng các đệ tử đi theo ông Thuần-đà. Đến nhà, những thức ngon vị lạ đã dọn la liệt trên bàn dài, ông Thuần-đà lại bung lên để trước mặt Phật một bát nấm, hơi lên nghi ngút.

Phật thọ trai xong, phán với các đệ tử:

– Bát nấm này độc, các người hãy đem đổ đi không nên ăn.

Ông Thuần-đà kinh hãi, vật mình lăn khóc bên chân Phật. Phật dạy: “Người không nên than khóc, cũng đừng hối hận. Phải vui sướng lên, vì người đã được cúng dường bữa cơm cuối cùng cho ta. Có hai bữa ăn đáng kỷ niệm nhất, lần đầu là của nàng Tu-xà-đa cúng dường ta trước khi ta thành Đạo và bữa cơm này, trước khi ta vào Niết bàn”.

Phật từ giã ông Thuận-đà, cùng các đệ tử ra đi được một đôi đường, Ngài nghe trong mình khó ở, Phật đưa bình bát và chiếc võng cho A-nan:

– A-nan ! hãy mang bình bát dùm ta và tìm hai cây Sa-la ở trên đồi kia, treo võng lên cho ta nằm nghỉ.

Phật đến bên cây Sa-la, nằm xuống võng. Đầu Ngài trở về hướng Bắc, mình nghiêng về tay phải, hai chân téo vào nhau. Trước mặt đấng Ngài chói lọi một mặt trời tròn xoe và đỏ rực. Hoa trắng lác đác rơi dọc theo mình Ngài trên thảm cỏ xanh. Hương ở đâu bay lại, thơm ngát cả khu rừng.

Nhưng đấng Từ bi chưa đi vội. Ngài sai một Tỷ kheo đi báo tin Ngài sắp nhập diệt cho các đệ tử và dân chúng ở rải rác trong thành hay.

Trong số các người đến kính viếng, có một ông già thuộc phái Bà-la-môn, tên Tu-bạt-đà-la đến xin ông A-nan cho được đến gần Ngài hỏi đạo. Ông A-nan không cho, bảo rằng Ngài đang mệt. Nhưng Tu-bạt-đà-la cứ nài nỉ xin vào. Lời qua tiếng lại, Phật nghe được, liền bảo ông A-nan cứ để cho vào. Tu-bạt-đà-la đến sụp lạy bên chân Phật, thưa :

– Lạy đấng Sáng suốt, con thường nghe đạo Ngài rất thâm diệu, nhưng con cũng thường nghe bọn ngoại đạo bảo chỉ có đạo của họ là hợp chân lý. Như thế thì con biết tin theo ai?

Phật dịu dàng dạy:

– Người đừng tin theo ai cả. Người chỉ nên theo lý trí của người mà phán đoán. Người hãy đem thuyết của ta so sánh với những thuyết của ngoại đạo, xem pháp nào thực sự mang lại an vui, hạnh phúc, rồi người sẽ biết nên tin bên nào mà bỏ bên nào.

Ông Tu-bạt-đà-la sụp xuống ôm chân Phật, khóc kể:

– Ôi rộng rãi thay lời nói của đấng Từ bi! Con chưa từng nghe một đấng truyền giáo nào dạy như Ngài! Nhưng ôi! Con đến quá chậm, Ngài sắp nhập diệt rồi, con biết nhờ ai để tu tập?

Phật để tay lên đầu ông, dạy:

– Người hãy yên tâm. Ta sẽ độ cho người. Còn sự tu tập sẽ có các đệ tử ta chỉ giáo cho.

Ông Tu-bạt-đà-la là người cuối cùng được đấng Từ bi nhận làm đệ tử khi Ngài còn tại thế.

Các đệ tử những bậc vua chúa và dân gian đến mỗi lúc mỗi đông. Họ kính cẩn cúi đầu đứng quanh Ngài. Nhưng bỗng giữa bầu không khí im lặng, nấc lên vài tiếng khóc. Phật dạy:

– Đừng ai thương tiếc ta như thế! Hãy bình tĩnh trong buổi chia ly này! Các người ơi! Các người còn nhớ những lời ta dạy chẳng? Ta thường bảo thân thể bao giờ cũng tan rã, những vật người đời yêu thương, gìn giữ tất rồi có ngày phải chia cách. Làm sao trên thế giới chuyển di, lại có vật không

thay đổi? Ai tìm thấy lại được hình dáng đã vẽ trên mặt nước?

– Hỡi các tỷ kheo! Ở đây các người là hạng được nghe rất nhiều giáo pháp của ta, các người phải chứng tỏ sự hiểu biết của các người bằng những cử chỉ, nhất là giữa lúc này. Bao lâu nay các người rất gần gũi với ta, trong hành động cũng như trong ý tưởng, vậy bây giờ không nên vì tình cảm ủy mị, hẹp hòi của các người trong một lúc mà trở thành xa lạ với ta. Đừng ai thương tiếc ta như thế!

Ngài gọi ông A-nan lại gần Ngài, đề tay lên đầu ông, vỗ về:

– A-nan ơi! Trong các đệ tử, ông là người luôn luôn ở bên cạnh ta, và giúp đỡ ta nhiều nhất, ông là đệ tử rất xứng đáng với ta. Trong việc truyền giáo, công đức của ông không phải nhỏ. Vậy trước khi nhập diệt, ta có lời cảm ơn ông. Từ đây trên đường đi truyền giáo, bước chân ta không còn vang dội bên bước chân ông nữa, nhưng đừng vì thế mà buồn; chúng ta dù có xa nhau cũng chỉ ở hình dáng chứ còn tâm ta vẫn hoà nhịp với tâm ông trong cái đạo rộng lớn. Ông hãy tu tập để nhận rõ chân tâm, rồi sẽ gặp ta ở mọi chỗ. Thôi ông hãy đứng dậy!

Sau đó, Phật nhìn ra, hỏi đại chúng:

– Ở đây có ai không hiểu hay còn nghi ngờ điều gì về giáo lý của ta thì cứ hỏi, ta sẽ trả lời. Đừng để khi ta nhập diệt rồi lại ân hận là không còn ai để giảng giải.

Mọi người đều im lặng nhìn nhau. Phật lại bảo:

– Nếu các người vì sợ làm mệt ta, hay vì nể ta mà không dám hỏi thẳng thì hãy bàn bạc cùng nhau, khi nào không thể giải quyết được, ta sẽ giúp cho.

Nhưng đại chúng vẫn im lặng. Ông A-nan bạch:

– Kính bạch Như Lai! Đạo Ngài sáng tỏ như mặt trời. Những lời Ngài dạy cận kề từng gang tấc! Những điều đáng nói, Ngài đã dạy cho hết cả rồi chúng con không còn điều gì nghi ngại nữa. Duy, chúng con xin Ngài dạy cho biết sau khi Ngài nhập diệt rồi, chúng con phải làm những lễ nghi gì để cho xứng với thi hài của một đức Phật?

Phật dạy: “Các người đừng bận tâm đến việc ấy. Các người hãy chuyên tâm đến sự giải thoát của các người. Đây chính là một cách sùng bái ta.

– Hỡi những ai vì hoàn cảnh mà không thể xuất gia, các người hãy luôn luôn nhớ đến đạo ta! Phải tinh tấn mãi mãi để thoát ra khỏi lưới dục vọng mà chúng Đạo!

– Nay, các người phải tự thấp đuốc lên mà đi! Các người hãy lấy Pháp của ta làm đuốc! Các người hãy theo Pháp của ta mà tự giải thoát! Đừng tìm sự giải thoát ở một kẻ nào khác! Đừng tìm sự giải thoát ở một nơi nào khác!

– Các người làm như thế là biết ơn ta, là nhớ tưởng đến ta. Và hỡi các Tỷ kheo! Các người có thêm một bổn phận là truyền đạo ta, thay ta để đưa đường chỉ

lời cho mọi người. Các người phải tìm hiểu đến cùng tột những nghĩa lý sâu xa, mẫu nhiệm của giáo pháp ta để làm lợi lạc cho chúng sanh! Các người phải luôn luôn vượt lên những trở lực để mãi mãi truyền thừa Đạo ta cho đến vô cùng tận.

– Nếu các người để cho đạo Giải thoát của ta suy tàn, ấy là các người mất ta, và các người sẽ làm mất các người!

– Nếu các người vẫn trung thành với những lời dạy của ta, ấy là các người nhớ ơn ta, ấy là các người tôn sùng ta. Nếu các người làm cho đạo Từ bi của ta mỗi ngày một thịnh mãn, ấy là các người gần ta, và ta sẽ luôn ở bên cạnh các người.

– Này các Tỷ kheo! Các người đừng nghe dục vọng mà quên lời ta dạy. Mọi vật ở đời không có gì quý báu. Chỉ có chân lý của Đạo ta là bất di bất dịch.

– Hãy tinh tấn lên để giải thoát, hỡi các người rất thân yêu của ta!”

Bài học: *Hãy ghi nhớ những lời dạy cuối cùng của Đức Phật để duy trì sự tinh tấn trong việc tu tập. Ngài dạy – “hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi”. Cả đời ngài luôn vì mục đích mang lại hạnh phúc và giác ngộ cho chúng sinh. Hãy nhớ đến hạnh nguyện của Ngài, mà tinh tấn tu tập, mở rộng trí tuệ và lòng yêu thương, đó chính là cách đền đáp ơn đức cao dày của Đức Phật.*

PHẦN D – TRUYỆN NGỤ NGÔN, CỔ TÍCH PHẬT GIÁO

Ba câu hỏi

Đó là chuyện về ba câu hỏi khó của một nhà vua, do nhà văn hào Lev Tolstoi kể lại.

Nhà vua ấy, Tolstoi không biết tên. Một hôm đức Vua nghĩ rằng, giá mà vua trả lời được ba câu hỏi ấy thì vua sẽ không bao giờ bị thất bại trong bất cứ công việc nào. Ba câu hỏi ấy là:

- 1. Làm sao để biết được thời gian nào là thời gian thuận lợi nhất cho mỗi công việc?*
- 2. Làm sao để biết được nhân vật nào là nhân vật quan trọng nhất mà ta phải chú trọng?*
- 3. Làm sao để biết được công việc nào là công việc cần thiết nhất mà ta phải thực hiện?*

Nghĩ thế, vua liền ban chiếu ra khắp trong bàn dân thiên hạ, hứa rằng sẽ ban thưởng trọng hậu cho kẻ nào trả lời được những câu hỏi đó. Các bậc hiền nhân đọc chiếu liền tìm tới kinh đô. Nhưng mỗi người lại dâng lên vua một câu trả lời khác nhau.

Về câu hỏi thứ nhất, có người trả lời rằng muốn biết thời gian nào là thời gian thuận lợi nhất cho mỗi công việc thì phải làm thời biểu cho đàng hoàng, có ngày giờ năm tháng và phải thi hành cho thật đúng thời biểu ấy. Như vậy mới mong công việc làm đúng lúc. Kẻ khác thì lại nói không thể nào dự tính được trước những việc gì phải làm và thời gian để làm những việc ấy; rằng ta không nên ham vui mà

nên chú ý đến mọi sự khi chúng xảy tới để có thể làm bất cứ gì xét ra cần thiết. Có kẻ lại nói rằng, dù vua có chú ý đến tình hình mấy đi nữa thì một mình vua cũng không đủ sáng suốt để định đoạt thời gian của mọi việc làm một cách sáng suốt, do đó nhà vua phải thành lập một Hội Đồng Nhân Sĩ và hành động theo lời khuyên cáo của họ. Lại có kẻ nói rằng, có những công việc cần phải lấy quyết định tức khắc không thể nào có thì giờ để tham khảo xem đã đến lúc phải làm hay chưa đến lúc phải làm. Mà muốn lấy quyết định cho đúng thì phải biết trước những gì sẽ xảy ra, do đó, nhà vua cần phải cần đến những nhà cổ vấn tiên tri và bốc phệ.

Về câu hỏi thứ hai, cũng có nhiều câu trả lời không giống nhau. Có người nói những nhân vật mà vua cần chú ý nhất là những ông đại thần và những người trong triều đình. Có người nói là mấy ông Giám Mục, Thượng Tọa là quan trọng hơn hết. Có người nói là mấy ông tướng lĩnh trong quân đội là quan trọng hơn hết.

Về câu hỏi thứ ba, các nhà thức giả cũng trả lời khác nhau. Có người nói khoa học là quan trọng nhất. Có người nói tôn giáo là quan trọng nhất. Có người lại nói: chinh trang quân đội là quan trọng nhất.

Vì các câu trả lời khác nhau cho nên nhà vua không thể đồng ý với vị hiền nhân nào cả, và chẳng ban thưởng cho ai hết. Sau nhiều đêm suy nghĩ vua quyết định đi chất vấn một ông đạo sĩ tu trên núi, ông đạo sĩ này nổi tiếng là có giác ngộ. Vua muốn tìm lên trên núi để gặp ông và hỏi ba câu hỏi kia.

Vị đạo sĩ này chưa bao giờ chịu xuống núi và nơi ông ta ở chỉ có những người dân nghèo; chẳng bao giờ ông chịu tiếp người quyền quý. Vì vậy mà nhà vua cải trang làm thường dân. Khi đi đến chân núi, vua dặn vệ sĩ đứng chờ ở dưới, và một mình vua, trong y phục một thường dân, vua trèo lên am của ông đạo sĩ.

Nhà vua gặp ông đang cuốc đất trước am. Khi trông thấy người lạ, ông đạo sĩ gạt đầu chào rồi tiếp tục cuốc đất. Ông đạo sĩ cuốc đất một cách nặng nhọc bởi ông đã già yếu; mỗi khi cuốc lên được một tảng đất hoặc lật ngược được tảng đất ra thì ông lại thở hào hển.

Nhà vua tới gần ông và nói: "Tôi tới đây để xin ông trả lời giúp cho tôi ba câu hỏi. Làm thế nào để biết đúng thì giờ hành động, đừng để cho cơ hội qua rồi sau phải hối tiếc? Ai là những người quan trọng nhất mà ta phải chú ý tới nhiều hơn cả? Và công việc nào quan trọng nhất cần thực hiện trước tiên?"

Ông đạo sĩ lắng nghe nhà vua nhưng không trả lời. Ông chỉ vờ vai nhà vua và cúi xuống tiếp tục cuốc đất.

Nhà vua nói: "Ông mệt lắm rồi, thôi đưa cuốc cho tôi, tôi cuốc một lát".

Vị đạo sĩ cảm ơn và trao cuốc cho Vua rồi ngồi xuống đất nghỉ mệt. Cuốc xong được hai vòng đất thì nhà vua ngừng tay và lập lại câu hỏi. Ông đạo sĩ vẫn không trả lời, chỉ đứng dậy và đưa tay ra đòi

cuộc, miệng nói: "Bây giờ bác phải nghỉ, đến phiên tôi cuộc".

Nhưng nhà vua thay vì trao cuộc lại cúi xuống tiếp tục cuộc đấu. Một giờ rồi hai giờ đồng hồ đi qua. Rồi mặt trời bắt đầu khuất sau đỉnh núi. Nhà vua ngừng tay, buông cuộc, và nói với ông đạo sĩ: "Tôi tới để xin ông đạo trả lời cho mấy câu hỏi. Nếu ông không thể trả lời cho tôi câu nào hết thì xin cho biết để tôi còn về nhà".

Ngay lúc đó, ông đạo nghe tiếng chân người chạy đâu đây, bèn nói với nhà vua: "Bác thử xem có ai chạy lên kia". Nhà vua ngó ra thì thấy một người có râu dài đang chạy lúp xúp sau mấy bụi cây, hai tay ôm bụng. Máu chảy ướt đầm cả hai tay. Ông ta cố chạy tới chỗ nhà vua và ngất xỉu giữa đất, nằm im bất động miệng rên rì rì.

Vua và ông đạo cởi áo người đó ra thì thấy có một vết đâm sâu nơi bụng. Vua rửa chỗ bị thương thật sạch và xé áo của mình ra băng bó vết thương, nhưng máu thấm ướt cả áo. Vua giặt áo và đem băng lại vết thương. Cứ như thế cho đến khi máu ngừng chảy.

Lúc bấy giờ người bị thương mới tỉnh dậy và đòi uống nước. Vua chạy đi múc nước suối cho ông ta uống. Khi đó mặt trời đã bắt đầu khuất và bắt đầu lạnh. Nhờ sự tiếp tay của ông đạo, nhà vua khiêng người bị nạn vào trong am và đặt nằm trên giường ông đạo. Ông ta nhắm mắt nằm yên. Nhà vua cũng mệt quá vì leo núi và cuộc đấu cho nên ngồi dựa vào cánh cửa và ngủ thiếp đi.

Vua ngủ ngon cho đến nỗi khi Vua thức dậy thì trời đã sáng và phải một lúc sau Vua mới nhớ ra được mình đang ở đâu và đang làm gì. Vua nhìn về phía giường thì thấy người bị thương cũng đang nhìn mình chòng chọc, hai mắt sáng trưng.

Người đó thấy vua tỉnh giấc rồi và đang nhìn mình thì nói, giọng rất yếu ớt: "Xin bệ hạ tha tội cho thần".

– "Ông có làm gì nên tội đâu mà phải tha ?"

– "Bệ hạ không biết hạ thần, nhưng hạ thần biết bệ hạ. Hạ thần là người thù của bệ hạ, hạ thần đã thề sẽ giết bệ hạ cho bằng được bởi vì khi xưa, trong chinh chiến bệ hạ đã giết mất người anh của hạ thần và còn tịch thu gia sản của hạ thần nữa. Hạ thần biết rằng bệ hạ sẽ lên núi này một mình để gặp ông đạo sĩ, nên đã mai phục quyết tâm giết bệ hạ trên con đường về. Nhưng cho đến tối mà bệ hạ vẫn chưa trở xuống, nên hạ thần đã rời chỗ mai phục mà đi lên núi tìm bệ hạ để hành thích. Thay vì gặp bệ hạ, hạ thần lại gặp bốn vệ sĩ. Bọn này nhận mặt được hạ thần cho nên đã xông lại đâm hạ thần. Hạ thần trốn được chạy lên đây, nhưng nếu không có bệ hạ cứu thì chắc chắn hạ thần đã chết vì máu ra nhiều quá. Hạ thần quyết tâm hành thích bệ hạ mà bệ hạ lại cứu sống được hạ thần. Hạ thần hối hận quá. Bây giờ đây nếu hạ thần mà sống được thì hạ thần nguyện sẽ làm tôi mọi cho bệ hạ suốt đời, và hạ thần cũng sẽ bắt các con của hạ thần làm như vậy. Xin bệ hạ tha tội cho hạ thần".

Thấy mình hòa giải được với kẻ thù một cách dễ

dàng nhà vua rất vui mừng. Vua không những tha tội cho người kia mà còn hứa sẽ trả lại gia sản cho ông ta, và gửi ngự y cùng quân hầu tới săn sóc cho ông ta lành bệnh.

Sau khi cho vệ sĩ khiêng người bị thương về nhà, vua trở lên tìm ông đạo để chào. Trước khi ra về vua còn lặp lại lần cuối ba câu hỏi của vua. Ông đạo đang quỳ gối xuống đất gieo những hạt đậu trên những luống đất đã cuốc sẵn hôm qua.

Vị đạo sĩ đứng dậy nhìn vua và đáp: "Nhưng ba câu hỏi của vua đã được trả lời rồi mà".

Vua hỏi: "Trả lời bao giờ đâu nào?"

Vị đạo sĩ đáp: "Hôm qua nếu Vua không thương hại bản đạo già yếu mà ra tay cuốc dìm mấy luống đất này thì khi ra về nhà vua đã bị kẻ kia mai phục hành thích mất rồi, và nhà Vua sẽ tiếc rằng đã không ở lại cùng ta. Vì vậy thời gian quan trọng nhất là thời gian Vua đang cuốc đất; nhân vật quan trọng nhất lúc đó là bản đạo đây, và công việc quan trọng nhất là công việc giúp bản đạo. Rồi sau đó khi người bị thương nọ chạy lên, thời gian quan trọng nhất là thời gian vua chăm sóc cho ông ta, bởi vì nếu vua không băng vết thương cho thì ông ta sẽ chết và vua không có dịp hòa giải với ông; cũng vì thế mà ông ta là nhân vật quan trọng nhất, và công việc vua làm để băng bó vết thương là quan trọng nhất. Xin vua hãy nhớ kỹ điều này: "Chỉ có một thời gian quan trọng mà thôi, đó là thời gian hiện tại, là giờ phút hiện tại. Giờ phút hiện tại quan trọng bởi vì đó là thời gian duy nhất trong đó ta có thể

làm chủ được ta. Và nhân vật quan trọng nhất là kẻ đang cụ thể sống với ta, đang đứng trước mặt ta, bởi vì ai biết được là mình sẽ đương đầu làm việc với những kẻ nào trong tương lai. Công việc quan trọng nhất là công việc làm cho người đang cụ thể sống bên ta, đang đứng trước mặt ta được hạnh phúc, bởi vì đó là ý nghĩa chính của đời sống".

Bài học: Thời gian quan trọng nhất trong cuộc sống chính là giây phút hiện tại, bởi chỉ lúc đó ta có thể hành động và thay đổi được tình huống ; Người quan trọng nhất chính là những người xung quanh ta, bao gồm: gia đình, bạn hữu, đồng nghiệp, đối tác..., bởi họ ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống của ta ; Việc quan trọng nhất là việc quan tâm, giúp đỡ và mang lại hạnh phúc cho những người xung quanh mình, bởi việc đó mang lại ý nghĩa lớn nhất cho cuộc sống của mỗi người.



Đời người trong một câu

Ngày xưa, ở một vương quốc nọ, có một nhà vua muốn thu thập những cái hay ở đời để dựng một nguyên tắc trị dân. Nhà vua ấy, ngay từ lúc lên ngôi báu đã giao cho một viên đại thần cái trọng trách sưu tầm dưới các bầu trời xa lạ những tinh hoa rải rác trong vũ trụ và những triết lý của cuộc đời.

Ba mươi năm đã trôi qua, vị vua thanh niên anh tuấn ấy chờ đợi tóc đã điểm bạc. Lễ khánh thọ ngũ tuần đã cử hành long trọng trong Hoàng cung. Lúc ấy, quan đại thần cũng vừa về với một đoàn lạc đà, bốn vó trắng bụi đường xa, và trên lưng chất hơn nghìn pho sách quý mà ông đã có công kết tập bấy lâu nay để dâng lên đức vua. Đức vua nói:

– “Trẫm đã nhiều tuổi rồi, tinh hoa của trời đất nhiều đến thế. Trẫm làm sao xem hết. Khanh hãy mang về rút ngắn lại cho trẫm đủ thời giờ xem.”

Đoàn lạc đà lại chờ những pho sách đi và mười năm sau nữa, bộ sách rút ngắn lại còn năm trăm quyển được dâng lên ngự lãm. Nhà vua vuốt chòm râu bạc phau ngần ngại phán:

– “Hãy còn nhiều quá. Tuổi trẫm đã lớn, đọc sao cho kịp. Khanh chịu khó về gạn lọc một lần nữa những tư tưởng huyền diệu trong ấy”.

Viên đại thần tận trung không hề nghĩ đến số năm tháng đã tàn tạ trên đầu, lui về một nơi u tịch kết tinh kho tư tưởng theo yêu cầu của nhà vua.

Sau năm năm triền miên, với bao nhiêu tinh hoa và tư tưởng cổ kim đông tây, viên quan già nua mừng rỡ khi thấy kết quả: năm trăm cuốn dồn lại chỉ còn một pho sách dày. Một pho sách dày chứa tất cả triết lý của muôn cuộc đời!

Cuốn sách dày ấy, một buổi sớm được mang vào ngự lãm. Nhưng nhà vua đã nằm yên trên giường bệnh, chung quanh ngự y châu chực.

Vừa mở mắt nhìn vị đại thần tận tâm và cuốn sách quý giá. Một nụ cười nhàn nhạt nở trên môi vua như ánh hoàng hôn. Vua thở ra một giọng yếu nhỏ, viên đại thần quỳ xuống lắng tai đón lấy:

– “Trăm yếu lắm, một trang sách còn chưa thể xem được huống là cả cuốn... Song trước khi nhắm mắt, trăm háo hức muốn biết qua những tư tưởng gì, những triết lý gì, đã chi phối cả đời người, đã điều khiển cả một vận mệnh... Khanh khá rút ngay quyển sách này thành một câu hay vài chữ cho trăm xem kịp và đủ sức hiểu...”.

Nét mặt viên đại thần trở nên trầm ngâm và hai mắt già nheo lại. Tử thần đã chờ vờn đầu đó. Các ngự y cúi đầu trước số mệnh. Nhà vua nằm yên khắc khoải chờ. Thời gian như ngừng hẳn lại. Không khí trở nên nặng nề và nghiêm trọng. Vàng son nội điện tự nhiên cũng hóa rầu rĩ. Mọi người chăm chú và kính cẩn nhìn viên đại thần đang lặng lẽ đem cuộc đời thu vào một câu. Sau một hồi suy nghĩ, viên đại thần từ từ bước đến bên án. Cả bộ Văn phòng tứ bảo hình như run khi bàn tay già đưa ra.

Bàn tay kính cẩn nâng cây bút, và nhẹ nhàng vạch trên mảnh hoa tiên những nét buồn lung linh tóm tắt tinh hoa của một đời người.

Mọi người đều ngó theo. Thần chết lúc ấy đã chấp chờn đầu long sàng. Đã mấy lần nhắm mở, Vua mới cất được mấy tiếng cuối cùng: “SANH LÃO BỆNH TỬ”.

Bài học: Những triết lý, tư tưởng trong nhân gian tuy nhiều, nhưng cũng không ra ngoài bốn chữ “*Sinh, lão, bệnh, tử*”. Bởi mọi lý thuyết, triết lý đều xuất phát từ cuộc sống con người, và nhằm mang lại an vui, hạnh phúc cho con người. Đức Phật cũng vậy, ngài vì giác ngộ quy luật sinh, lão, bệnh, tử, mà quyết chí xuất gia cầu đạo, nhằm giác ngộ, đạt đến hạnh phúc, thoát ly sinh tử, và chỉ dạy đạo giải thoát cho mọi người, nhằm mang đến cảnh giới hạnh phúc tối thượng cho nhân loại, đó là Niết bàn.



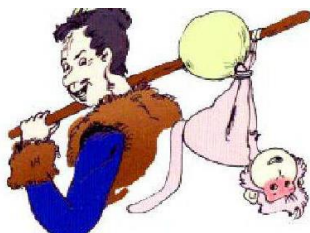
Cái bẫy khi

Ở Trung quốc, những con khi được săn bắt theo cách đặc biệt. Đầu tiên, người bẫy khi tìm một trái dứa. Họ đục một lỗ vừa đủ tay khi thò vào. Rồi rắc ít đậu phộng trong trái dứa và đặt trái dứa vào nơi khi thường đến. Sau đó, người bẫy thú rắc một ít đậu phộng ở ngoài trái dứa.

Sớm muộn khi sẽ đến, đầu tiên nó sẽ ăn những hạt đậu phộng xung quanh. Sau đó, nó tìm đến gáo dứa và thấy gáo dứa chứa đầy đậu phộng. Khi thò tay vào lỗ để lấy những hạt đậu, nó sẽ không thể rút tay nó ra, khi tay nó đang cố giữ chặt các hạt đậu.

Rất khó khăn để xoay sở và rút bàn tay với đầy đậu phộng ra khỏi gáo dứa. Nó sẽ kêu gào và hoảng loạn. Để thoát khỏi gáo dứa, điều các con khi phải làm là hãy vất bỏ các hạt đậu trong tay ra. Nhưng nó sẽ không muốn làm điều đó. Lòng tham đã làm con khi bị sập bẫy.

Bài học: Chúng ta cũng giống như những con khi. Ai cũng đều muốn thoát khỏi đau khổ, được an vui, nhưng lại không sẵn sàng từ bỏ tham lam và ham muốn, vì vậy chúng ta thường tự đẩy mình vào những hoàn cảnh đau khổ. Đó là Chân lý cao quý thứ Hai – Tập đế (Nguyên nhân của khổ).



Hươu con thoát chết

Một thầy giáo hươu thông thái đã dạy cho tất cả những con hươu con làm thế nào để trốn thoát khỏi những kẻ đi săn thú. Một hươu con trong nhóm học rất ngoan, siêng năng và học giỏi. Hươu con không bao giờ làm điều xấu trong lớp. Hươu con luôn cảm ơn thầy giáo của mình sau mỗi giờ học.

Ngày kia, hươu con này đã bị sập bẫy của những kẻ săn thú rừng. Những con hươu khác chạy tán loạn trong hoảng sợ. Chúng chạy về báo cho mẹ của hươu con biết tin. Hươu mẹ khóc khi nghe tin về hươu con của mình bị sập bẫy. Thầy giáo trấn an hươu mẹ, — Xin đừng lo lắng, hươu con là một đứa học rất giỏi, nó sẽ biết cách trở về an toàn.

Lúc bị sập bẫy, hươu con đã nhớ đến lời thầy giáo dạy. Hươu con giả vờ chết bằng cách ngưng thở, và nằm yên bất động. Người đi săn thấy vậy, tưởng hươu đã chết thật, và không để ý đến nó. Khi người thợ săn đang loay hoay chuẩn bị làm thịt hươu, thì hươu con nhảy lên và bỏ chạy nhanh như gió. Bạn bè của hươu con rất vui khi gặp lại nó. Chúng cùng đi báo tin vui cho thầy và cảm ơn người thầy thông thái đã dạy cho chúng những bài học bổ ích.

Bài học: *Muốn có trí tuệ, phải biết vâng lời thầy, cô giáo. Những kiến thức học được sẽ có ích cho mình trong cuộc sống.*



Chuyện con báo

Một thời Trương lão Mục Kiên Liên ở trong một am thất có một cửa, trong một vùng đất được rào và núi đồi bao bọc. Lối đi có mái che của nhà ngài ở gần cửa ấy. Một vài mục tử nghĩ rằng hàng rào ấy là chỗ tốt cho đàn dê nên họ lừa dê vào đó. Một hôm họ đến vào buổi chiều đem cả bầy dê đi.

Nhưng có một con dê cái đã lang thang quá xa không thấy bầy dê ra đi, và bị bỏ lại một mình. Sau đó khi nó ra đi, một con báo thấy nó, muốn ăn thịt bèn đứng bên cửa hàng rào. Dê cái nhìn quanh và thấy con báo. Dê suy nghĩ: "Báo đứng đó vì nó muốn giết ta và ăn thịt. Nếu ta quay đầu bỏ chạy, ta sẽ mất mạng. Vậy ta phải can đảm lên".

Rồi dê giương đôi sừng, vùng chạy thẳng trước mặt báo với tất cả dũng lực. Dê thoát được móng vuốt báo trong gang tấc, dù con báo rung mình vì nó tưởng sẽ chụp được dê. Rồi dê chạy hết tốc lực, cuối cùng, nó bắt kịp cả đàn.

Ngài Mục Kiên Liên chứng kiến tận mắt sự can đảm và thành công của con dê, đã đem câu chuyện kể cho đức Phật. Đức Phật nói lời khen ngợi con dê biết nỗ lực tự vệ trước kẻ thù tàn ác. Nhân đó, ngài cũng kể một câu chuyện quá khứ, mà dê đã không dám đương đầu kẻ ác và đã bị ăn thịt.

Bài học: Trong cuộc sống, cần can đảm đương đầu với những khó khăn để vượt qua nó. Trong câu chuyện trên, con dê đã biết rằng "thương sách là nên xấp lá cà", nhờ đó, nó có cơ may sống còn. Nếu không, kẻ yếu hơn sẽ phải bị tiêu diệt theo quy luật sinh tồn giữa muôn loài.

Voi hiếu dưỡng mẹ

Một thuở nọ, khi vua Brahmadata trị vì tại Ba-la-nại, Bô-tát được sinh làm Đại tể tướng ở vùng Tuyết Sơn. Toàn thân Voi màu trắng rất hùng vĩ, là chúa đàn gồm tám mươi ngàn con voi vây quanh ngài, song mẹ ngài bị mù. Ngài thường đưa cho bầy voi những quả rừng thật ngon để đem về dâng mẹ, tuy thế, chúng chẳng đem gì về dâng voi mẹ, mà chúng ăn hết. Khi ngài hỏi thăm và biết được việc ấy, ngài bảo: « Ta muốn rời đàn để nuôi mẹ ».

Thế là một đêm thuận lợi, bầy voi không hay biết ngài đưa mẹ đi đến đỉnh núi Candorana (Chiên-đồ-gia), tại đó ngài để mẹ ở trong một hang dưới đồi, gần một hồ nước và nuôi nấng mẹ rất chu đáo.

Bấy giờ, một người thợ rừng ở Ba-la-nại đi lạc đường và không thể nào tìm lối ra được nên bắt đầu than khóc âm ỉ. Nghe tiếng này Bô-tát thầm nghĩ: "Đó là một người đang cơn hoạn nạn, khi ta đang ở đây mà gã gặp tai họa thật chẳng phải lẽ". Vì vậy ngài đến gần gã, nhưng gã bỏ chạy vì quá sợ hãi; thấy thế, chúa Voi bảo gã: « Này người kia, anh không cần phải sợ ta, đừng chạy trốn, hãy nói tại sao anh vừa đi vừa khóc thế? »

Người thợ rừng đáp : « Tôi chúa tể, kẻ hèn này bị lạc đường đã bấy ngày qua ».

Chúa Voi liền nói: « Anh đừng sợ nữa, và ta sẽ đưa anh ra đường đi của dân chúng ».

Sau đó ngài bảo người ấy leo lên ngòi trên lưng ngài và đưa gã ra khỏi rừng, xong ngài quay về.

Còn con người độc ác kia quyết vào thành phố báo tin cho vua biết. Vì thế gã đánh dấu các cây cối, các ngọn đồi, rồi tiến về Ba-la-nại. Lúc ấy vương tượng của hoàng đế vừa từ trần. Ngài cho truyền lệnh bằng một hồi trống: « Nếu kẻ nào thấy ở đâu có con voi xứng đáng để hoàng thượng ngự du thì hãy báo ngay ».

Sau đó gã kia đến triều kiến vua và tâu: « Tâu Chúa thượng, tiểu thần đã thấy một con Voi tuyệt mỹ, toàn thân màu trắng, một vật tối thắng xứng đáng để Chúa thượng ngự lên. Tiểu thần xin chỉ đường. Nhưng xin đưa các người quản tượng đi theo để bắt Voi ».

Vua chấp thuận, bảo một người thợ rừng cùng đi với gã ấy và một đoàn tùy tùng lên đường. Người thợ cùng đi với gã và trông thấy Bò-tát đang ăn uống trong một hồ nước. Khi Bò tát thấy gã thợ rừng, ngài nghĩ: "Hiểm họa này chắc chắn không phát xuất từ ai khác, ngoài kẻ kia. Nhưng Ta rất mạnh, ta có thể đánh tan tành cả ngàn con voi trong lúc thịnh nộ, ta lại đủ sức tiêu diệt cả đàn voi ra trận của một vương quốc. Tuy nhiên nếu ta bị lòng phần nộ chi phối thì công đức của ta sẽ bị tổn hại. Vì vậy hôm nay ta sẽ không nổi giận, cho dù có bị gươm giáo đâm vào da thịt". Với quyết định này, ngài cúi đầu đứng bất động.

Người thợ rừng bước xuống hồ sen, khi thấy vẻ tuyệt mỹ của các chóp ngà voi, gã bảo: « Ngày con, hãy đến đây ».

Rối nắm lấy cái vòi giống như sợi dây thừng bằng bạc, gã dẫn voi về thành Ba-la-nại trong vòng bảy ngày.

Khi mẹ Bò Tát thấy con mình không trở về, bà đoán chắc hẳn ngài bị quan quân nhà vua bắt rồi, và bà than khóc: « Giờ đây cây cối vẫn mọc, nhưng con ta đã đi xa rồi ».

Bây giờ người luyện voi kia, đang lúc còn đang đi đường đã gửi về triều một tờ sớ dâng vua. Nhà vua liền ra lệnh cả kinh thành trang hoàng thật long lẫy. Người luyện voi dẫn Bò tát vào một cái chuồng được tô điểm bằng các dây tua, tràng hoa và vây quanh mỗi bức màn đủ màu rực rỡ, xong đến trình vua. Vua mang các món cao lương mỹ vị ra bảo đưa cho Bò Tát, nhưng ngài không ăn chút gì cả: « Nếu không có mẹ ta, ta không muốn ăn gì đâu ».

Vua van nài ngài ăn, nhưng không thuyết phục được. Khi đó, voi chúa kể cho vua nghe về bà mẹ mù lòa của mình đang mong chờ con về.

Vua hiểu ra sự tình và cảm động tấm lòng hiếu thảo của voi chúa. Sau đó, vua liền cho ngài được tự do, và nói: « Thôi, ta cho voi được tự do để về phụng dưỡng mẫu thân cho tròn đạo hiếu. Voi hãy đi về với mẹ, và sum họp với gia đình đi nhé !»

Khỏi cảnh giam cầm được thoát thân, voi chúa bày tỏ lòng biết ơn đức vua, và giảng cho vua nghe những điều nhân nghĩa, đạo đức ở đời. Sau đó, voi chúa trở về chốn núi rừng quen thuộc của mình.

Về đến hồ nước mát lạnh nơi mẹ ngài đang ở, voi chúa dùng vòi hút nước và tung vẩy khắp mình mẩy thân. Nhưng mẹ của Bồ Tát tưởng là trời bắt đầu mưa, nên thăm than trách con mưa: « Sao trời lại mưa vào lúc này nhỉ, không biết con trẻ có việc gì mà sao vẫn chưa thấy về ? »

Lúc ấy Bồ tát (voi chúa) mới cất tiếng để trấn an mẹ. Ngài giải thích về sự việc bị bắt và được đức vua thả ra và bình an trở về. Bà mẹ vui mừng, cảm tạ đức vua anh minh đã hiểu hoàn cảnh của bà và thả tự do cho con mình.

Vua rất hoan hỷ vì đức độ của Bồ tát nên ra lệnh xây một thị trấn không xa hồ ấy và vua thường đến phụng sự Bồ Tát cùng mẹ ngài. Sau đó, khi mẹ ngài từ trần, ngài đi thật xa đến một tỉnh xá tên là Karandaka. Tại đây có năm trăm bậc trí giả an trú và vua thường đến cúng dường các ngài. Vua lại truyền tạc một tượng bằng đá có hình Bồ tát và thường đến chiêm bái để tỏ lòng ngưỡng mộ ngài. Dần dần dân chúng khắp cõi Ấn Độ tụ tập lại đó cùng nhau cử hành ngày hội gọi là hội Voi.

Bài học: *Trong cuộc sống, cần phải biết hiếu thảo với cha, mẹ giống như voi chúa trên đây. Phải biết quan tâm, chăm sóc, phụng dưỡng khi cha mẹ già yếu, mới đúng là người con hiếu thảo.*

Vua A Dục ngưỡng mộ Phật Pháp

Vua A Dục lúc trước là người rất độc ác, từ khi theo đạo Phật đổi thành người rất nhân từ. Hồi mới theo đạo, vì lòng cảm mộ quá dồi dào nên mỗi khi ngự ngoài đường hễ gặp vị Tỳ kheo nào đi ngang qua, liền xuống kiệu khấu đầu lạy.

Có một vị đại thần tên là Da Tát lấy thế làm quá đáng bèn can ngăn vua rằng: “Các Tỳ kheo kia chẳng qua là những người đi hành khất ngoài đường, không đáng tôn trọng lắm”. Vua yên lặng không trả lời.

Cách vài ngày sau, vua truyền cho các quan văn võ, mỗi ông phải đem bán một đầu súc vật, và cho biết giá bán các đầu ấy như thế nào. Ông Da Tát phải bán một đầu người. Các đầu súc vật thời bán được với giá tiền sai khác hơn kém nhau, duy có đầu người của ông Da Tát bán thời không ai mua cả. Vua hỏi có sao, ông Da Tát trả lời: Vì đầu người là vật hèn hạ không có giá trị gì, Vua lại hỏi: “Chỉ có một đầu này là hèn hạ hay tất cả đầu người đều hèn hạ?” Ông Da Tát đáp: “Tất cả đầu người đều hèn hạ”. Vua bèn hỏi: “Vây đầu Trẫm đây cũng hèn hạ sao?” Ông Da Tát sợ hãi không dám nói, sau Vua cũng thú thật đầu Vua cũng hèn hạ.

Vua bèn giảng cho ông Da Tát nghe rằng: “Phải! Người muốn can ta đừng lạy các vị Sa môn là nhà người có ý kiêu căng tự đắc. Nhưng cái đầu của Trẫm này là một vật hèn hạ không ai thèm mua, vì cúi xuống mà được thêm công đức, thêm giá trị lên, thì phỏng có hại gì? Nhà người muốn chỉ trích các

thầy Sa môn là người không sang trọng nhưng nhà người không rõ uy đức của các Thầy. Khi nào có đi ăn tiệc, ăn đám cưới thời mới nên hỏi đến giai cấp người ta, chớ đi tu học phân biệt giai cấp làm gì. Như người sang trọng danh giá bị tội nặng thời ai cũng nói “Người này là kẻ có tội” và ai cũng đem lòng khinh bỉ. Trái lại con người hèn hạ mà tu nhân tích đức thời ai cũng kính trọng ai cũng cúi đầu”.

Vua nói đến đây, bèn chỉ hấn vào mặt ông Da Tát mà nói lớn rằng: “Nhà người há lại không biết câu này của Đức Phật Thích Ca hay sao? Ngài dạy “Người có trí thời dầu vật không có giá trị cũng làm nên giá trị”. Ta muốn theo Phật, người lại can gián ta, ấy là bất trung. Đến khi ta nằm xuống đất như cây mía kia thì dầu muốn lay, muốn đứng dậy, muốn cung kính cũng không sao được nữa, thời làm thế nào được công đức. Vậy người để yên ta lay các vị Sa môn để kiếm chút phước đức. Nếu có người dám tự nói “Ta là người đáng tôn trọng hơn cả”, thời người ấy là người u mê nhất đời vậy. Nếu lấy huệ nhãn của Đức Phật mà xem xét thân thể, thời biết thân thể ông vua và thân mọi người giống nhau, cũng là da, thịt, xương, khác nhau chỉ có cái phù hoa trang sức bề ngoài. Nhưng cốt yếu ở đời là lòng đạo đức, thì trong thân thể người hèn hạ nhất ở đời cũng có được, chính cái ấy con người trí giả gặp đâu cũng phải cung kính phải vái lạy vậy”.

Bài học: Trong đời, cần phải biết khiêm cung, tôn kính người đạo đức, tu hành. Kính trọng bậc tôn trưởng, đức hạnh sẽ được nhiều công đức, ngược lại, thì sẽ chịu nghiệp báo ngu si, kém trí tuệ.

Con voi của vua Udena

Lúc ấy, bậc đạo sư đang trú tại rừng Ghosita (Cù-sư-la) gần Kosambi (Kiều thượng di). Ngài kể về Bhaddavatika, con voi cái của vua Udena.

Một hôm con voi này ra ngoài thành sáng sớm gặp Đức Phật được thánh chúng vây quanh, trong vẻ oai nghi tối thượng của một bậc Giác ngộ, đang vào thành khát thực, nó quỳ xuống chân Đức Như Lai, than khóc và cầu khẩn Ngài :

- Bạch Thế Tôn, bậc toàn tri kiến, vị cứu khổ toàn thế giới , khi con còn trẻ và có khả năng làm việc, vua Udena, một vị minh quân đã thương yêu con và bảo: "Đời sống của ta cùng vương quốc và hoàng hậu đều nhờ nó tất cả." Rồi ngài ban cho con đại vinh hiển bằng cách trang điểm mọi thứ vàng ngọc, ngài truyền trát chuồng voi với đất trộn hương liệu, treo các đồ vật có màu sắc rực rỡ chung quanh, thấp đèn với dầu thơm, đặt đĩa trầm xông tại đó, ngài lại truyền đặt một chậu bằng vàng tại chỗ con đại tiện, cho con đứng trên thảm màu và cho con ăn toàn cao lương thượng vị của vua. Nay con đã già và không làm việc được nữa, nên ngài tước bỏ mọi đặc ân ấy, con sống bơ vơ khốn khổ không ai bảo vệ chăm sóc, chỉ ăn toàn quả ketaka trong rừng, con chẳng có nơi nương tựa nào nữa. Xin Thế tôn nói cho vua Udena nghĩ lại các công đức của con và phục hồi mọi vinh quang cũ cho con.

Bậc đạo sư bảo :

- Người hãy đi về, rồi ta sẽ nói với nhà vua phục hồi mọi vinh quang cũ cho người.

Sau đó Ngài đi đến cửa hoàng cung.

Nhà vua mời Đức Phật vào, thiết đãi trọng thê tất cả hội chúng theo hầu Đức Phật. Khi buổi thọ thực đã xong, bậc Đạo Sư nói lời tùy hỷ công đức và hỏi:

- Thưa Đại vương, con voi Bhaddavatikà đâu rồi?

- Bạch Thế Tôn, Trẫm không biết.

- Thưa Đại vương, sau khi đã ban vinh hiển cho đám nô tỳ, ngài tức bỏ mọi ân huệ lúc chúng già yếu là không phải đạo. Bhaddavatikà nay đã già, mòn mỏi vì tuổi tác và không được ai bảo vệ, chỉ sống bằng trái cây Ketaka trong rừng. Đại vương để cho nó bơ vơ như vậy lúc già yếu là không hợp lý.

Rồi kể các công đức của con voi Bhaddavatikà, ngài khuyên: “Đại vương hãy phục hồi mọi vinh quang cũ của nó”.

Xong Ngài ra đi. Sau đó, nhà vua đã làm theo lời ngài. Cả kinh thành truyền tin rằng vinh quang cũ của con voi Bhaddavatikà đã được phục hồi nhờ đức Phật kể lại mọi công đức của nó.

Bài học: *Người lãnh đạo tốt cần biết nhớ ơn và đối xử có trước có sau đối với những thuộc cấp của mình. Nhà vua Udena đã đối xử không tốt với con voi Bhaddavatikà vì nó già yếu và không còn phục vụ vua đắc lực như xưa nữa. Sau khi được Phật nhắc nhở, nhà vua đã sửa đổi và phục hồi những vinh quang xưa cho con voi.*



Một ít cháo

Trong kiếp này, Bồ Tát là vua của xứ Koshala. Nhà vua được mọi người dân yêu quý, bởi vì ngài có nhiều đức tính, nhưng có một đức tính vượt trội hơn tất cả, đó là: nhà vua đã có tài làm cho vương quốc được thịnh vượng.

Trong một đêm nhà vua ngủ say giấc, ngài nhớ lại một trong những tiền kiếp của mình, và ngài đã vô cùng xúc động. Sau đó, nhà vua kể cho mọi người nghe một lý do bí ẩn, lý do đã làm cho vương quốc của ngài trở nên thịnh vượng, đó chính là "một ít cháo."

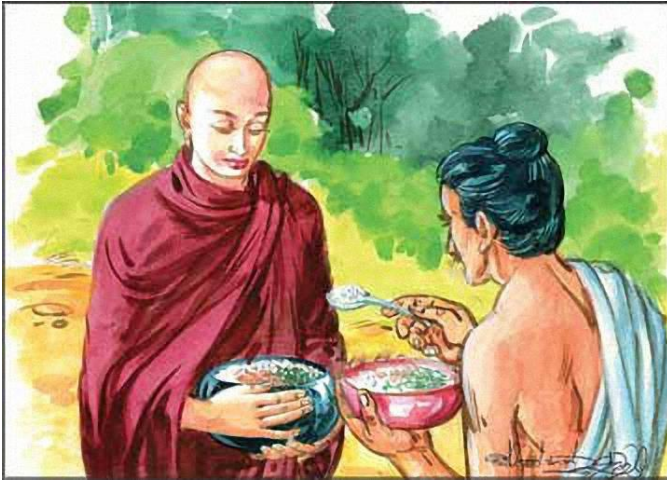
Câu chuyện mặc dù hấp dẫn, nhưng không một ai trong nước này hiểu được lời nói của nhà vua, và không ai có can đảm để hỏi. Nhà vua tiếp tục nhắc đến chuyện này vài lần, và điều đó làm cho lòng tò mò của mọi người ngày càng tăng lên. Cho đến một ngày kia, trong triều đình có một buổi hội họp lớn, hoàng hậu cầu xin nhà vua giải thích lý do cho mọi người cùng nghe.

Nhà vua kể rằng ngài đã nhớ lại trong tiền kiếp, ngài đã từng là một người đầy tớ nghèo. Nhà vua nhớ là mặc dù ngài đã làm việc chăm chỉ, nhưng ngài vẫn gặp khó khăn để lo cho gia đình vừa đủ ăn, và nhiều lúc ngài cảm thấy buồn khổ vì ngài đã bị khinh thường. Tuy nhiên, tình cờ một lần ngài gặp một số nhà sư đi hoằng hóa, ngài đã mời họ vào nhà, rồi ngài cúng dường tất cả thức ăn ngài đang có, mặc dù đó chỉ là một ít cháo. Cũng vì nhà vua làm một việc thiện nhỏ, mà nay ngài được tái sinh thành một vị vua nổi tiếng.

Nhà vua tuyên bố rằng, không có việc thiện nào là nhỏ cả, một khi được làm bằng cả trái tim. Sau khi

người dân của xứ Koshala chứng kiến những kết quả tuyệt vời của lòng rộng lượng, mọi người càng ngày càng gia tăng làm thêm các công việc từ thiện. Từ đó vương quốc này, mỗi ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn trước.

Bài học: Trong câu chuyện, nhà vua nhờ cúng dường, bố thí một ít cháo cho chúng tăng mà được phước báu làm vua và có cuộc sống sung túc. Vì vậy, muốn được giàu sang, thịnh vượng, mỗi người cần nỗ lực tu hạnh bố thí, nhất là biết phát tâm cúng dường cho các vị có đức hạnh.



Sa di Tăng-Hộ

Sa di Tăng Hộ xuất gia, tu theo ông cậu ruột của mình. Một hôm sa di Tăng hộ xin được hai xấp vải, đem về cúng dường thầy. Nhưng thầy không nhận và nói, “Thầy có đủ y rồi. Con hãy may y cho con”

Một buổi trưa mùa hè nóng bức, sa di Tăng Hộ đứng quạt cho thầy ngồi thiền. Chú suy nghĩ, “Mình cúng dường mà thầy mình không nhận. Như thế, thầy mình không thương mình nữa. Vậy mình hãy về nhà. Nhưng về nhà lấy gì sống?”

Rồi chú lại tiếp tục suy nghĩ miên man, “Mình sẽ bán hai xấp vải mua vài ba con gà để nuôi. Gà sẽ đẻ ra thành bầy. Mình bán gà mua heo. Nuôi heo lớn bán heo mua bò. Bò đẻ nhiều thành đàn rồi bán bò, cất nhà cưới vợ. Vợ mình sanh đứa con trai đầu lòng mũm mĩm dễ thương. Vợ chồng ẵm con lên thăm cậu, nhưng vợ mình ẵm con không nên dáng, để con rớt xuống đường khóc ré lên. Thế là đàn bà hư, phải đánh cho một trận mới được”.

Chú cầm quạt đánh xuống nghe cái bộp, trúng đầu thầy. Thầy nói, “Con đánh vợ con mà không trúng, lại trúng đầu thầy đây”.

Tăng Hộ nghe thầy nói vậy, sợ quá bỏ chạy. Các chú sa di thấy vậy cũng chạy theo. Chư tăng chạy theo bắt lại, hỏi, “Lý do tại sao trời nắng chang chang mà quý chú chạy?”

Các sa di trả lời, “Chúng con thấy chú Tăng Hộ chạy nên chúng con chạy theo.” Quý thầy đem sa di Tăng Hộ đến chốn Phật.

Sa di Tăng Hộ kể lại câu chuyện rồi xin sám hối Phật. Phật dạy, “Phàm phu không biết giữ tâm, để tâm chạy lăng xăng. Chỉ có trong giây lát, mà con nghĩ tới gần nửa đời người”.

Kể đó, Phật dạy, “Các con hãy nhiếp ý, giữ tâm, thiền quán, lâu ngày sẽ chứng được thánh quả”.

Bài học: *Người mới tu học, cần theo dõi tâm ý của mình cho kỹ. Vì con người có thói quen chạy theo tâm ý, rong ruổi rất xa, nên khó chuyên tâm tu tập, khó tiến bộ được. Việc ngồi thiền, theo dõi hơi thở cũng là 1 biện pháp để giúp tâm ý bớt chạy nhảy như chú Sa di Tăng Hộ trên đây.*



Chim Anh Vũ

Ngày xưa có vô số chim anh vũ (két) sống ở vùng Tuyết Sơn trên bờ sông Hằng trong một rừng sung. Vua Anh vũ ấy gặp lúc trái cây nơi mình cư trú đã hết màu, phải ăn bất cứ cái gì còn sót lại, dù là mầm, lá, vỏ cây hoặc giác cây và uống nước sông Hằng, vẫn thấy an lạc và tri túc nơi mình sống.

Do tâm trạng an lạc tri túc này, chiếc ngai của Thiên chủ Sakka rung động. Sakka tìm hiểu nguyên nhân và thấy Anh vũ này, rồi muốn thử thách công hạnh của chim, ngài dùng thần lực làm cho cây héo tàn, trở thành khúc thân cây mục đầy lỗ hổng đứng trơ vơ bị mưa gió vùi dập, và bụi bặm bay từ các lỗ ấy!

Anh vũ vương vẫn ăn bụi cây và uống nước sông Hằng, không đi đâu khác và vẫn đậu trên ngọn cây, chẳng quan tâm gì đến nắng gió.

Thiên chủ Sakka nhận thấy Anh vũ sống rất tri túc, liền tự bảo: "Sau khi nghe chim nói về đức tính của tình bằng hữu, ta sẽ đến ban cho chim một đặc ân và làm phép cho cây sung sinh bất tử".

Vì thế ngài giả dạng một Thiên nga cùng với hoàng hậu của ngài là Sujà đi trước biến hình thành một nữ thần A-tu-la, ngài đến rừng sung kia, đậu trên một khóm cây gần đó và ngâm kệ bắt đầu đàm thoại với Anh vũ:

*1. Bất cứ khi nào cây trái sinh,
Bày chim đòi lại đến đầy cành,*

*Song khi cây đã thành khô héo,
Lập tức bầy chim bỏ chạy nhanh.*

Sau lời này, ngài lại ngâm vần kệ thúc giục chim đi chỗ khác:

*2. Nay ông mở đờ, hãy đi mau,
Ông vẫn ngồi mơ mộng, có sao?
Hãy nói ta nghe, xuân diệu hời,
Sao ông bám khúc gỗ khô nào?*

Chim Anh vũ đáp:

- Nay Thiên nga, do ân nghĩa, ta không rời bỏ cây này.

Rồi chim ngâm hai vần kệ:

*3. Ngay khi Anh vũ chừa cầu mong,
Biết rõ mọi điều kiện, chánh chân
Dầu sống, chết hay khi khổ lạc,
Đều không hề bỏ mặc thân bằng*

*4. Ta muốn ân cần, giữ thiện tâm
Vời cây kết bạn đã lâu năm,
Ta mong sống, dầu lòng không nở
Rời bỏ cây khô đã chết dần.*

Sakka nghe chim nói, rất hoan hỷ, vừa ca ngợi chim vừa muốn ban cho chim một điều ước, liền ngâm hai vần kệ:

*5. Ta biết chim giao hữu thật tình
Trí nhân chắc chắn phải hoan nghênh,*

*Ta ban chim thứ gì chim mong muốn,
Anh vũ, ước cho thoả ý mình*

Nghe vậy, Anh vũ ngâm vãn kệ thứ bảy nói lên điều mình ước:

*6. Thiên nga, nếu bạn muốn ban ân
Mong ước cho cây sống lại dần
Lần nữa vươn lên sức mạnh cũ,
Quả ngon tươi mát mọc đầy thân.*

Rồi Thiên chủ Sakka ngâm vãn kệ thứ tám ban đặc ân này:

*7. Bạn nhìn! Cây quý quả sai đầy,
Thích hợp cho chim ở chốn này,
Lần nữa vươn lên sức mạnh cũ,
Quả ngon ngọt mát tươi thay!*

Cùng với các lời này, Sakka bỏ lột ngỗng, thị hiện phép thần thông cùng Hoàng hậu Sujà, lấy tay múc nước sông Hằng rảy vào thân cây sung. Lập tức cây mọc lên cành lá sum suê, đầy trái ngọt như mật, tạo thành một cảnh tượng kỳ diệu như đỉnh núi Ngọc Bích lồ lộ.

Anh vũ thấy vậy, vô cùng hoan hỷ, ngâm vãn kệ thứ chín tán thán Thiên chủ Sakka:

*8. Ước mong Thiên chủ, mọi Thiên thân,
Đều hưởng thọ tràn ngập phước ân,
Hạnh phúc như chim đang thọ hưởng
Khi nhìn cảnh tượng đẹp huy hoàng.*

Sau khi ban điều ước cho Anh vũ, và làm phép để cây sung mọc trái bắt từ, ngài cùng Hoàng hậu Sujà trở về cõi của ngài.

Sakka trong câu chuyện trên chính là tiền thân của A Nậu Lô Đà, và chim Anh Vũ chính là tiền thân của Đức Phật Thích Ca.

Bài học: *Trong cuộc sống, cần biết học hạnh thiếu dục, tri túc (giảm ham muốn và biết đủ) như chim Anh Vũ thì lúc nào cũng an lạc, cho dù hoàn cảnh xung quanh có trở nên khó khăn đi nữa. Ngoài ra, câu chuyện cũng dạy cho chúng ta bài học về tình bằng hữu. Bạn bè thật sự là không bỏ nhau trong những lúc khó khăn, hoạn nạn.*



Chọn nơi ở thích hợp

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo Sư kể về cái chòi lá bị cháy. Truyền thuyết nói một Tỷ-kheo lấy đề tài Thiên quán bậc Đạo Sư. Từ Kỳ Viên đi đến Kosala, vị ấy sống tại một trú xứ trong khu rừng, gần một làng ở biên địa. Trong tháng đầu, chòi lá vị ấy bị cháy. Vị ấy báo cho mọi người biết:

– Chòi lá tôi bị cháy. Tôi sống khó khăn.

Và các người được báo nói:

– Nay ruộng chúng tôi bị hạn, tát nước cho ruộng xong, chúng tôi sẽ làm.

Khi tát nước xong, họ gieo giống, gieo giống xong họ làm hàng rào; làm hàng rào xong, họ nhổ cỏ, họ gặt, họ đập lúa. Như vậy, họ đề cập việc này sang việc khác, cho đến lúc ba tháng đã trôi qua. Tỷ-kheo ấy trong ba tháng phải sống khổ sở ngoài trời, đã tăng trưởng đề tài Thiên quán, nhưng không đạt được như ý. Vì thế, lễ Tự tứ xong, Tỷ-kheo ấy đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ và ngồi xuống một bên. Sau khi chào đón thân tình, bậc Đạo Sư hỏi:

– Nay Tỷ-kheo, ông an cư mùa mưa có thoải mái không, đề tài Thiên quán của ông có đạt kết quả không?

Tỷ-kheo ấy báo cáo sự việc lên, và nói:

– Vì con không được một trú xứ thích hợp, nên đề tài Thiên quán không có kết quả.

Bậc Đạo Sư nói:

– Trong thời trước này Tỷ-kheo, ngay các loài thú cũng biết trú xứ thích hợp với mình, làm sao ông không biết?

Nói vậy xong, bậc Đạo Sư kể câu chuyện quá khứ.

*

Thuở xưa, khi vua Barhmadatta trị vì ở Ba-la-nại, Bò-tát sanh làm con chim, với đàn chim vây quanh sống dựa trên một cây lớn, đầy đủ cành cây trong một khu rừng. Một ngày kia, khi các cành cây cọ xát nhau, bụi cây rơi xuống, khói khởi lên. Thấy vậy, Bò-tát suy nghĩ: “Hai nhánh cây này cọ xát như vậy sẽ sanh lửa. Lửa rơi xuống sẽ đốt các lá cũ. Từ đây, cây này sẽ bị cháy. Chúng ta không thể ở đây được. Ta phải bỏ đi đến một chỗ khác”.

Rồi Bò-tát nói bài kệ này với đàn chim

Các chim sống trên đời,
Dựa vào trú xứ nào,
Chỗ ấy sanh ra lửa,
Hỡi loài chim tránh xa,
Hãy đi các phương khác,
Nếu y tựa chỗ ấy,
Sợ hãi sẽ sanh ra.

Các con chim có trí nghe theo lời Bò-tát, lập tức cùng với Bò-tát bay lên hư không, đi tới chỗ khác. Các chim không có trí không tin lời Bò-tát, còn nói lời chê bai: “Vị ấy như ếch ngồi đáy giếng”.

Nên chúng không nghe theo lời Bồ-tát, vẫn sống ngay tại chỗ ấy.

Từ đây không bao lâu, như Bồ-tát đã nghĩ trước, lửa sanh ra và đốt cháy cây ấy. Trong khi khói và lửa bốc lên, các con chim bị khói làm mù mắt không thể đi chỗ khác, đã rơi vào biển lửa, hết con này đến con khác và bị tiêu diệt.

Bậc Đạo Sư nói:

– Nay Tỷ-kheo, trong thời trước; các con vật sống trên cây cao cũng biết được chỗ thích hợp cho mình, sao ông lại không biết?

Bài học: Trong cuộc sống, mỗi người cần phải chủ động chọn nơi ở phù hợp để tạo thuận duyên cho việc tu học. Ngày xưa, bà mẹ Mạnh tử phải 7 lần dời nhà vì muốn chọn môi trường phù hợp cho việc học tập của con. Trong câu chuyện trên, đức Phật cũng khuyên các đệ tử phải biết chọn trú xứ phù hợp, thì việc tu tập mới thuận lợi và đạt kết quả tốt.



Chuyện tiền thân Bồ tát Địa tạng

Khoảng thời gian mà đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương giáo hóa chúng sanh có thể gọi là dài nhất so với các đức Phật khác. Đức Phật ấy thọ mạng bốn vạn ức a tăng kỳ kiếp, đây là điều mà chúng sanh trong thời hiện đại không thể tưởng tượng nổi.

Trong thời tượng pháp của Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương, có một người nữ dòng Bà la môn, trang nghiêm đoan chánh, siêng tu phước thiện, cứu người nghèo đói, được mọi người ngưỡng mộ kính phục. Cha cô đã mất, chỉ còn bà mẹ. Rất tiếc, người mẹ lại tin theo tà giáo, điên đảo thị phi, xem thường chánh giáo, làm cho cô gái cảm thấy vô cùng sầu khổ. Cô gái cũng thường khuyên mẹ làm thiện, cải tà quy chánh. Lần lần, bà mẹ cũng sanh khởi một chút lòng tin. Rủi thay, chưa kịp hưởng được ánh sáng lợi ích của chánh pháp, thì bà đột nhiên bị bệnh qua đời.

Cô gái Bà la môn biết rằng mẹ mình lúc còn sống không tin nhơn quả, tạo nhiều nghiệp sát sanh, ác khẩu, v.v... ắt sẽ bị đọa vào ba đường ác. Cô bèn bán tất cả tài sản, lấy tiền mua các loại danh hương, hoa quả, phẩm vật, v.v... đem đến các chùa bố thí cúng dường. Đến một chùa nọ, thấy trong chùa thờ tượng Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương, vô cùng trang nghiêm, tướng hảo phi phàm, càng thêm kiên thành cung kính, bèn chí thành đảnh lễ, trong lòng nghĩ thầm: “Đức Phật là bậc thánh đại giác ngộ, có trí tuệ bất khả tư nghì. Nếu như đức Phật còn tại thế gian, con đến hỏi ngài về việc đầu thai của mẹ, ắt

ngài sẽ biết rõ.” Nghĩ như thế xong, cô bèn bắt giặc rơi lệ.

Cô gái đứng trước tượng Phật chiêm ngưỡng rất lâu, bỗng nhiên từ trên không trung có âm thanh vọng xuống: “Này hiếu nữ đang khóc kia! Con không nên bi ai quá lắm. Ta sẽ chỉ chỗ sanh của mẹ con.” Vừa xong, không còn nghe âm thanh nào khác. Cô gái cảm thấy rất phấn khởi, vui mừng chấp tay hỏi vọng lên: “Vị thánh nào có lòng thương tưởng đến con như vậy! Từ khi mẹ con mất đến nay, ngày đêm con thương nhớ vô vàn, nhưng không biết đi hỏi ai chỗ đầu thai của mẹ con!”

Lúc đó, trên không lại có âm thanh vang lên: “Hiếu nữ! Ta là Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương mà con đang đánh lễ. Nhân vì thấy con thương tưởng đến mẹ tha thiết, quá hơn người thường, cho nên ta đến bảo cho con biết.”

Cô gái Bà la môn nghe âm thanh từ bi của đức Phật, cảm động đến đổi ngã quy trên mặt đất, giống như núi đổ. Những người chung quanh bèn đỡ cô dậy, một lúc lâu sau mới tỉnh. Lúc đó, cô gái lại ngược mặt lên không trung thưa rằng: “Nguyện Phật từ bi thương xót! Xin hãy cho biết mẹ con sanh về chỗ nào. Hiện nay, mạng sống của con cũng chẳng còn bao lâu nữa. Xin Phật từ bi thương xót!”

– Hiếu nữ! Con hãy an tâm. Sau khi cúng dường xong, con hãy về nhà, ngồi ngay thẳng, niệm danh hiệu ta, liền có thể biết được mẹ con sanh về chốn nào.

Cô gái cúng dường xong, tuân theo lời đức Phật, bèn trở về nhà, dùng lòng hiếu thảo tha thiết nhớ mẹ, ngồi ngay ngắn, niệm danh hiệu của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Trải qua một ngày đêm, bỗng nhiên cảm thấy thân mình đến một bờ biển. Nước trong biển sôi sùng sục. Trên mặt biển có nhiều ác thú, chó sắt, rắn sắt, v.v..., đang chạy tới lui, rượt đuổi vô số nam nữ đang trôi hụp. Lại có những quỷ dạ xoa nhiều tay, nhiều mắt, nhiều đầu, răng nanh chia ra như gươm, hành hạ tội nhân làm cho họ cực kỳ thống khổ! Cảnh tượng hãi hùng, không ai dám nhìn lâu. Đang lúc cô gái chứng kiến cảnh tượng khủng khiếp xảy ra, bỗng có một quỷ vương tên là Vô Độc đến gần cung kính vái chào: “Thánh nữ! Cô vì có gì mà đến nơi này?”

Cô gái cảm thấy rất kỳ quái, bèn hỏi quỷ vương: “Xin hỏi đây là chốn nào?”

– Đây là tầng biển thứ nhất ở phía tây núi Đại Thiết Vi.

– Nghe nói trong núi Thiết Vi có địa ngục, điều này có đúng không?

– Dạ đúng như thế!

– Nếu vậy, tại sao hiện nay tôi lại đến được chốn này?

– Có hai nguyên nhân đến được địa ngục. Nếu không nhờ uy đức thần lực của chư Phật Bồ tát, thì phải do ác nghiệp lực chiêu cảm. Ngoài ra, không cách nào đến được chốn này.

– Nước trong biển tại sao lại sôi sùng sục? Những kẻ đang thọ khổ kia, vì có gì mà bị ác thú rượt đuổi như vậy?

– Đây là những chúng sanh tạo ác ở cõi Nam Diêm Phù Đề, vừa mới chết trong vòng bốn mươi chín ngày, không có bà con thân thuộc tu tập công đức để cứu vớt khổ nạn cho họ. Bọn họ lúc sống cũng không tích tập thiện nhân, căn cứ vào những ác nghiệp mà họ đã tạo, chiêu cảm quả báo địa ngục, tự nhiên trước tiên phải đến biển này. Tại phía đông biển này, cách đây khoảng mười vạn do tuần, lại có một biển nữa, những điều thống khổ phải chịu lại còn gấp bội. Qua phía đông nữa, lại có một biển, sự khổ ở đó lại tăng gấp bội. Đây gọi là nghiệp hải, do thân, khẩu, ý tạo nghiệp ác chiêu cảm.

– Như vậy, địa ngục còn ở nơi nào nữa?

– Địa ngục ở trong ba biển vừa nói. Mỗi biển đều có trăm ngàn đại địa ngục khác nhau. Trong mỗi đại địa ngục có mười tám đại địa ngục, hình phạt thống khổ nhất, lại có năm trăm trung địa ngục và trăm ngàn tiểu địa ngục. Trong mỗi ngục đều có vô lượng sự thống khổ.

– Mẹ tôi mới chết chưa được bao lâu, không rõ thân hồn hiện ở chốn nào?

– Thánh nữ! Mẹ cô tên họ là gì?

– Cha mẹ tôi dòng dõi Bà la môn. Cha tôi tên Thi La Thiện Hiện, mẹ tôi tên Duyệt Đế Lợi.

Vô Độc nghe đến tên Duyệt Đê Lợi, bèn vội chấp tay thưa: “Thánh nữ! Xin cô hãy an tâm trở về, không cần phải lo lắng nữa. Tội nhân Duyệt Đê Lợi đã được sanh lên trời ba ngày rồi. Nghe nói nhờ cô tu phước cúng dường chùa tháp thờ đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương. Ngày hôm đó không những bà ấy được thoát khổ, mà nhiều tội nhân trong địa ngục cũng được sanh lên trời.

Vô Độc nói xong, bèn chấp tay cáo từ. Cô gái Bà la môn dường như tỉnh mộng. Nhớ lại câu chuyện trong giấc chiêm bao, bèn đến trước tháp thờ đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương, thành kính phát nguyện: « Nguyện cho đến cùng tận đời vị lai, con sẽ thiết lập mọi phương tiện, cứu độ tất cả tội khổ chúng sanh đều được giải thoát ».

Sau khi phát nguyện, cô ta bèn chuyên tâm tinh tiến tu tập phước đức. Người con gái ấy chính là một tiền thân của đức Bồ Tát Địa Tạng. Còn quý vương Vô Độc là tiền thân của Bồ Tát Tài Thủ.

Bài học: *Bồ Tát Địa Tạng chính là biểu tượng của lòng đại bi, ngài có đại nguyện cứu khổ tội nhân trong địa ngục : « Địa ngục chưa trống không, ta quyết không thành Phật ! ». Nhiều tiền thân của ngài đều thể hiện lòng hiếu thảo rất lớn. Đó là tấm gương mà người con Phật cần noi theo. Theo truyền thuyết, ngài cũng thường bảo hộ trẻ nhỏ, và các bà mẹ khi sanh nở. Câu chuyện này cũng nhắc ta nhớ về tấm gương hiếu hạnh của ngài Mục Kiền Liên và lễ xá tội vong nhân trong đạo Phật.*

Quan Âm Thị Kính

Ngày xưa ngày xưa, có một người trải qua nhiều kiếp, kiếp nào từ bé đến lớn cũng giữ mình đức hạnh và thành bậc chân tu. Cứ luân hồi chuyển kiếp như vậy liên tiếp đến chín lần, nhưng chưa kiếp nào đặng thành Phật.

Đến kiếp thứ 10, người này được thác sanh ở nước Cao Ly làm con gái một nhà họ Mãng, có tên là Thị Kính. Nàng có vẻ người đầy đặn, mặt mũi dễ coi, tính tình điềm đạm. Lớn lên, nàng thờ cha mẹ hết lòng, việc nhà việc cửa chăm lo rất đảm. Khi đến tuổi lấy chồng, nàng được bố mẹ gả cho một anh chàng học trò họ Sùng tên là Thiện Sỹ. Cũng giống như nhà vợ, bên nhà chồng cũng chẳng khá giả gì. Thấy chồng chăm học, không chơi bời, Thị Kính không ao ước gì hơn, nàng càng ra công tảo tần cho chồng dốc lòng nấu sủ sôi kinh.

Một đêm, bên cạnh án thư, Thiện Sỹ ngồi đọc sách, Thị Kính cũng ngồi may một bên, hai người chung nhau một ngọn đèn dầu. Chồng học mãi thấy mệt mỏi, bèn ngả lưng xuống giường, kê đầu lên đầu gối vợ chuyện trò một chốc rồi thiu thiu ngủ. Thị Kính cố giữ yên lặng cho chồng yên giấc. Nàng có thì giờ ngắm kỹ khuôn mặt tuấn tú của chồng. Bỗng nàng nhận ra ở cằm chồng có một sợi râu mọc ngược. - “Ồ, sao lại có sợi râu xấu xí thế này, người ta bảo râu mọc ngược là tướng bạc ác. Ta phải lên nhờ đi cho chàng mới được!” Nghĩ vậy, sẵn con dao nhíp trong thúng khâu đựng đồ may, Thị Kính liền cầm lấy mở ra định nhổ sợi râu, không ngờ lưỡi dao sáng loáng vừa đưa đến gần thì Thiện Sỹ cũng vừa

chợt tỉnh, trông thấy vợ tay cầm dao chĩa vào mặt trong lúc mình chợt ngủ quên, Thiện Sỹ nghĩ ngay đến chuyện đen tối, liền vùng dậy nắm cổ tay và la lên: “Chết thật! Nàng định cầm dao giết ta lúc đang ngủ ư?”

Thị Kính đáp: –“Không phải đâu. Thấy chàng có sợi râu mọc ngược, thiếp định tâm lén nhổ nó đi kéo trông xấu xí lắm!”

Nhưng trong cơn nghi ngờ và hoảng hốt, chồng nhất định không tin như vậy. –“Thôi thôi! Đừng khéo chống chế. Làm sao có chuyện nhổ râu khi ta đang ngủ. Muốn nhổ thì đợi ta tỉnh dậy, hoặc ban ngày ban mặt có hay không?”.

Giữa lúc ấy, người mẹ Thiện Sỹ nằm ở buồng bên cạnh nghe cãi nhau cũng xô cửa bước ra. Vừa nghe con trai kể lại chuyện, bà đã mồm loa mép giải: “Trời ơi! Con này to gan thực! Dám đang tay làm những việc tà trời, may mà con ta trở dậy kịp, không thì còn gì tánh mạng”.

Thị Kính nước mắt giàn giụa cố gắng phân trần: “Mẹ nghĩ xem, con có thù vợ oán chạ gì mà phải làm như vậy. Chẳng qua con muốn làm cho chồng đẹp mặt...”

–“Rõ ràng mày định tâm giết chồng, bị bắt hai năm rồi mười mà còn chối leo lẻo”.

Người mẹ Thiện Sỹ chẳng ưa gì nàng dâu nên một mực đổ riết. Thị Kính thấy giải bày mãi không ăn thua, nên ngồi xuống cúi đầu nức nở. Câu chuyện

từ bé xé ra to. Cuối cùng gia đình họ Sùng không muốn con cháu có nòi ác nghiệt, nên Thị Kính bị đuổi về nhà bố mẹ đẻ.

Buồn chán cho số phận éo le, một hôm nàng cải trang thành một chàng trai, nhân đêm tối bỏ nhà, khăn gói ra đi. Nàng đi đi mãi, cố tìm trú ngụ một nơi cho thật xa quê hương để xóa bỏ những ký ức đau xót. Sau cùng đến một tỉnh khác, ở đây có chùa Vân, nàng tìm đến xin cáo đầu quy y. Sư cụ không biết là gái bèn nhận cho làm tiểu, đặt là Kính Tâm. Sự đời đã tắt lửa lòng, từ đây nàng yên tâm bạn cùng kinh kệ.

Nhưng tu hành ở chùa Vân chưa được bao lâu thì một việc mới lại xảy đến với nàng. Tuy ăn mặc nâu sòng, nhưng vẻ mặt của chú tiểu mới đã làm cho nhiều trái tim của các cô gái làng thôn thức. Trong làng có Thị Mầu, con gái của một phú ông, những ngày lễ chùa thấy tiểu Kính Tâm thì đem lòng yêu trộm nhớ thầm. Hai ba phen bị khước từ, Thị Mầu càng si mê càng cố tìm cách quyến rũ. Sau đó, tuy cá chẳng cắn câu, nàng vẫn không sao quên được chú tiểu.

Quen thói trăng hoa, Thị Mầu bèn tư thông với một người đây tớ trai trong nhà. Qua nhiều phen đi lại, không ngờ bụng ngày một lớn. Bị làng phạt vạ, cô gái nghĩ rằng nếu thú thật thì chẳng hay ho gì bèn đổ riết cho tiểu Kính Tâm. Vì thế tiểu Kính Tâm cũng bị làng đòi đến khảo tra. Nhưng dù bị đánh toi tả, nàng cũng không dám nhận liều cũng như không để lộ mình là gái. Sư cụ chùa Vân thấy tiểu bị đòn đau thì thương tình kêu xin với làng nộp vạ, bảo

lãnh cho tiểu được tha về. Nhưng sợ miệng thế gian mai mỉa ô danh chốn thiền môn, nên sư bắt tiểu phải chụm một cái lều cư ngụ ở phía ngoài cổng chùa. Nàng cam tâm nhận sự hành hạ này, cắn răng không hề van xin hay than thở.

Thị Mầu sau đó sinh được một trai. Đã trót đổ vấy cho tiểu Kính Tâm, nên nàng lại đem đứa con bỏ ở cửa tam quan. Kính Tâm lại thêm một phen bối rối. Nhận lấy đứa bé thì không khác gì một hành động thú tội, mà không nhận thì làm ngơ sao đành trước một đứa bé vô tội thế kia. Nhưng những tràng khóc oa oa của đứa trẻ sơ sinh đã khiến nàng mất hết ngại ngần. Lập tức nàng bế đứa bé vào lều chăm sóc, và từ đó ngày ngày một công việc mới choán hết thì giờ và tâm trí của nàng, nàng phải bế nó đi xin sữa ở đầu làng cuối xóm. Mặc cho dân làng kẻ cười người chê đến rất cả mặt, nàng vẫn âm thầm chịu đựng, tuyệt không có lấy một lời oán thán.

Cứ như thế sau sáu năm, nàng trông nom con người như con đẻ. Trong khi đứa bé ngày một khôn lớn, thì sức nàng trái lại ngày một mỗi mòn kiệt quệ. Một hôm biết mình không thể sống được nữa, tiểu Kính Tâm bèn viết một phong thư để lại cho bố mẹ đẻ, trong đó nàng thuật lại đầu đuôi nỗi mình nhẫn nhục bấy chầy. Lại dặn dò đứa bé sau khi mình chết đi thì trao thư lại cho Sư cụ trên chùa.

Khi đó, mọi người mới hay tiểu Kính Tâm là nữ, và ai nấy đều nhận thấy rằng sự chịu đựng của nàng từ bấy đến nay quả là cùng cực.

Để tỏ lòng hối hận, sư cụ chùa Vân bèn cho lập một đàn chay cầu cho nàng được siêu sanh tịnh độ. Hôm cử hành đàn chay, thì trên trời, giữa một đám mây năm sắc, Đức Phật Thiên Tôn hiện ra phán truyền cho Kính Tâm thành Phật Quan Âm. Ngày nay, để chỉ cho mối oan to lớn, người ta thường bảo : “Oan Thị Kính” là từ truyện này mà ra.

Bài học: *Trong cuộc sống, cần rèn luyện đức tính Nhẫn nhục, vì nó sẽ giúp vượt qua được nhiều khó khăn, hoạn nạn. Phật bà Quán Âm là hiện thân của năng lực nhẫn nhục và từ bi rất lớn vậy.*

Sự tích quả dưa hấu

Ngày xưa có một người trẻ tuổi tên là Mai An Tiêm. Chàng là người ở một nước đầu tận vùng biển phía Nam, bị bán làm nô lệ. Một hôm, chàng bị bọn lái buôn chở đến bán cho Hùng Vương. Mai An Tiêm học nói tiếng Việt rất chóng. Chàng nhớ nhiều chuyện, biết nhiều điều thường thức, lại lắm tài nghệ. Càng ngày vua càng yêu dấu, không lúc nào rời.

Năm ba mươi lăm tuổi, chàng làm quan hầu cận, có một ngôi nhà riêng ở gần cung vua. Vợ Mai An Tiêm là con gái nuôi của vua đã sinh được một trai lên năm tuổi. Mai An Tiêm có đủ mọi người hầu hạ, trong nhà của ngon vật lạ không thiếu thứ gì. Tuy oai quyền không lớn lắm nhưng chàng được mọi người sợ phục. Nhiều kẻ vẫn thường lui tới cầu cạnh. Nhưng thấy Mai An Tiêm có địa vị cao, cũng không hiềm gì những kẻ sinh lòng ghen ghét.

Một hôm, trong một bữa tiệc đãi các quan khách, giữa lúc mọi người không ngớt lời xưng tụng mình, Mai An Tiêm nhún nhường bảo họ:

- Có gì đâu ! Tất cả mọi thứ trong nhà này đều là phước báo kiếp trước của tôi cả !

Mai An Tiêm nói rất tự nhiên. Bởi vì tôn giáo xứ sở chàng bảo rằng cái sướng cái khổ hiện tại là kết quả của sự ăn ở tốt hay xấu của tiền kiếp. Nhưng trong số người dự tiệc có mấy viên quan hầu gần vua, vốn

ghét chàng từ lâu. Chụp lấy câu nói mà họ cho là ngạo mạn đó, họ bèn vội vàng về tâu cho vua biết.

Vua Hùng nghe nói vô cùng giận dữ. Vua gầm lên:

- Chà! Thằng láo! Hôm nay nó nói thế, ngày mai nó còn tuôn ra những lời bất kính đến đâu. Quân nô lệ phản trắc! Giam cổ nó lại cho ta!

Buổi chiều hôm ấy, Mai An Tiêm bị bắt bỏ vào ngục tối. Bấy giờ chàng mới hiểu chàng lỡ lời. Mai An Tiêm tự bảo: "Nếu từ nay trở đi ta bị đày đọa là vì kiếp trước ta đã cư xử không phải".

Trong khi đó thì ở triều, các quan họp bàn để xử án Mai An Tiêm. Nhiều người đề nghị xử tử. Có người đề nghị cắt gót chân. Nhưng lời tâu của một ông quan già làm cho Hùng Vương chú ý:

- Hắn bị tội chết là đúng. Nhưng trước khi hắn chết ta nên bắt hắn phải nhận ra một cách thâm thúy rằng những cửa của cải của hắn đây là do ơn trời biển của bệ hạ chứ chả phải là vật tiền thân nào cả. Tôi nghe ngoài cửa Nga-sơn có một hòn đảo. Cho hắn ra đấy với một hai tháng lương để hắn ngồi ngẫm nghĩ về "phước báo kiếp trước" của hắn trước khi tắt thở.

Vua Hùng gật đầu chấp thuận. Nhưng sau khi ra lệnh, vua còn dặn: "Cho hắn lương vừa đủ dùng trong một mùa, nghe không".

Hôm đi đày, tuy ai nấy hết lời can ngăn nhưng vợ Mai An Tiêm vẫn nhất quyết theo chồng ra hải đảo. Nàng bồng cả con trai đi theo. Tất cả mọi người đều

cho là việc rõ đại. Còn nàng thì tin ở lời chồng:
"Trời sinh voi trời sinh cỏ. Lo gì!".

Nhưng khi bước chân lên bãi cát hoang vu mịt mù, người thiếu phụ đó cũng không ngăn nổi cảm giác tủi thân, nước nở gục vào vai chồng:

- Chúng ta đành chết mất ở đây thôi.

Mai An Tiêm ôm con, bảo vợ:

- Trời luôn luôn có con mắt. Cứ phẩn chấn lên. Đừng lo!

Hơn một tháng đầu, đời sống của vợ chồng đã tạm ổn. Nhà ở thì chui trong hốc đá đã được đan phen che sương gió. Nước uống thì đã có suối. Muối không có thì đã có nước biển. Nhưng còn việc kéo dài sự sống? Hai vợ chồng nhìn vào bờ gạo đã vơi: "Nếu chúng ta có được một nắm hạt giống thì quyết không lo ngại gì cả".

Tự nhiên, một hôm có một đàn chim lớn bay từ phương Tây lại, đậu đen ngòm cả một bãi cát. Rồi chúng bay đến trước mặt hai vợ chồng kêu vẳng cả lên, thả xuống năm sáu hạt. Ít lâu sau từ những hạt ấy mọc ra một loại cây dây bò lan xanh um cả bãi. Dây bò đến đâu, những quả xanh non mơn mớn nhú ra đến đấy. Ít lâu sau nữa, vợ chồng ra xem thì quả nào quả ấy đã lớn lên như thối, da xanh mượt, tròn to bằng đầu người. Mai An Tiêm trảy một quả, bỏ ra thấy ruột đỏ hồng, hạt đen nhánh. Vợ chồng con cái cùng nếm thấy vị thanh thanh dịu ngọt. Càng ăn càng mát đến ruột gan. Mai An Tiêm reo lên:

- Ô! đây là thứ dưa lạ, chưa từng thấy bao giờ. Hãy gọi nó là dưa Tây, vì thứ dưa này được bầy chim đưa từ phương Tây lại, từ đất liền ra cho chúng ta. Trời nuôi sống chúng ta rồi!

Từ hôm đó hai vợ chồng cố trồng thêm cho thật nhiều dưa. Họ trừ tính ăn dưa thay cơm để đỡ phải dùng số gạo đã gần kiệt.

Một hôm vợ chồng Mai bắt gặp một chiếc thuyền đánh cá đi lạc ra đảo. Sau khi giúp họ sửa buồm lái để trở về đất liền, Mai còn đưa biếu một số dưa để họ đưa về cho mọi người nếm thử. Mai bảo họ chở gạo ra đổi lấy dưa. Chỉ cách mấy ngày, con thuyền thứ nhất đã đến cắm neo ở bến, chở ra cho hai vợ chồng khá nhiều gạo. Hai bên y ước: một bên nhận lấy số gạo còn một bên xếp dưa xuống thuyền.

Từ đó trở đi, bữa ăn của họ đã khác trước. Ngồi bên nồi cơm trắng hơi lên nghi ngút, vợ Mai An Tiêm ôm lấy con, lẩm bẩm: "Trời nuôi sống chúng ta thật!". Cũng từ hôm đó, hai vợ chồng trồng thêm nhiều dưa nữa. Kết quả là thuyền buôn có, thuyền chài có, lũ lượt ra đổ ở hải đảo dưa gạo, áo quần, gà lợn, dao búa, lại có cả các thứ hạt giống khác, để đổi lấy dưa.

Những người trong thuyền nói với Mai An Tiêm:

- Thật quả từ xưa chưa hề có loại dưa nào quý đến thế. Ở vùng chúng tôi ai cũng ao ước được nếm một miếng thứ "dưa hấu" này dù phải đổi bao nhiêu gạo cũng không tiếc.

Ngày ấy người ta tranh nhau mua dưa lấy giống cho nên chỉ trong vài ba năm giống dưa lan tràn khắp nơi. Tên tuổi vợ chồng Mai An Tiêm được truyền đi xa rộng. Dân gọi tôn là "Bố cái dưa Tây".

Lại nói chuyện vua Hùng, một hôm la rầy viên quan hầu đã vì dốt nát để thợ dựng hỏng một ngôi nhà. Vua buột miệng than thở : "Phải chi có Mai An Tiêm thì đâu đến nỗi!". Ngày hôm đó vua nhắc mãi đến chàng. Đã hai lần vua cho hỏi Lạc hầu xem hiện giờ Mai An Tiêm đang làm gì ở đâu. Lạc hầu đáp liêu: "Chắc hẳn không còn nữa!".

Nhưng vua không tin. Vua sai ngay một tên nô khác cấp cho lương ăn và thuyền để hẳn vào châu Ái tìm Mai An Tiêm. Một tháng sau, hẳn ta mang về cho vua một thuyền đầy dưa Tây và nói:

- Đây là lễ vật của ông bà Mai An Tiêm dâng bệ hạ.

Hắn kể cho vua biết rõ những ngày tân khổ và tình trạng hiện nay của hai vợ chồng Mai An Tiêm. Rồi hẳn tâu tiếp:

- Bây giờ, ông bà Mai An Tiêm đã có nhà cửa ở ngoài ấy khá đẹp, có đến hơn mười người hầu hạ, có bãi dưa, có ruộng lúa và rất nhiều lợn gà...

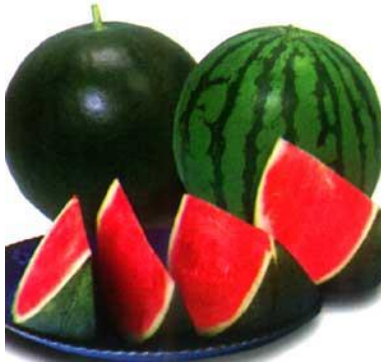
Vua Hùng càng nghe càng sửng sốt. Vua chất lưỡi bảo mấy viên quan hầu cận ngày nọ đã tố cáo Mai An Tiêm:

- Hẳn bảo là vật tiên thân của hẳn, thật đúng chứ không sai!

Vua bèn sai một đoàn lính hầu đi đón hai vợ chồng về, cho Mai trở lại chức cũ. Vua lại ban cho hai người con gái hầu để an ủi chàng.

Bây giờ chỗ hải đảo, người ta còn gọi là bãi An Tiêm. Những người kế tiếp công việc của hai vợ chồng Mai An Tiêm trên đảo vẫn còn dòng dõi đông đúc. Họ lập thành làng gọi là làng Mai-An. ở ngôi nhà cũ của Mai An Tiêm thì họ lập đền thờ hai vợ chồng chàng. Nhân dân gọi là "ông bà tổ dưa Tây (hay dưa hầu)".

Bài học : Theo đạo Phật, những gì ta được hưởng trong đời là do phước báo (thiện nghiệp) của ta đã tạo trong quá khứ, những khó khăn ta gặp phải cũng là do nghiệp báo của các hành động xấu trong quá khứ. Vì vậy, cần phải làm việc lành, tránh việc dữ để tạo ra những hoàn cảnh tốt, và được an vui, hạnh phúc trong tương lai.



Chữ Đồng Tử - Tiên Dung

Vua Hùng Vương thứ ba có một nàng công chúa rất xinh đẹp. Người ta nói thuở mới lọt lòng, nàng được các bà tiên tô điểm, nên về sau mới có nhan sắc như thế. Vì vậy, vua đặt tên là Tiên Dung. Vua Hùng là người hay nuông con. Đối với Tiên Dung vua lại càng yêu chiều, muốn gì được nấy.

Nhưng công chúa Tiên Dung chỉ có mỗi một sở thích là đi chơi mọi nơi trong nước. Vua phải sắm cho nàng một chiếc thuyền rất xinh, có đủ mọi người hầu hạ và mọi thức ăn cần dùng. Mỗi năm vào khoảng cuối mùa xuân, chiếc thuyền công chúa bắt đầu xuất phát. Cho đến lúc những con chim hậu điều bay từng đàn ở phía Bắc sang thì công chúa mới trở về nơi cấm cung. Cũng có lúc công chúa quá vui quên cả về, làm cho vua lo lắng. Năm nàng mười tám tuổi, từng có một vài hoàng tử ở các nước láng giềng ngỏ ý muốn được kết duyên nhưng công chúa nhất thiết từ chối. Nàng nói với vua Hùng trong một bữa tiệc: “Cha à! Con sẽ không lấy chồng đâu!”.

Hồi đó ở Chử-xá có một người đánh cá tên là Chử Cù Vân và con trai là thằng bé Chử. Tuy nghèo, họ vẫn sống vui vẻ trong túp lều dựng trên bãi cát.

Không may một hôm trong khi cha con đi câu vắng, ở nhà lửa bèn cháy sạch chả còn tí gì. Hai cha con chỉ còn một bộ đồ nghề và mỗi một chiếc khố vải đang mặc. Chiếc khố độc nhất ấy dùng để làm vật che thân cho cả hai mỗi lần ra ngoài. Khi người này

mang khó thì người kia phải chịu khó cời tròng
năm co để đợi đến lượt mình.

Cha con nhà họ Chử hết nạn này đến tiếp nạn khác, Chử Cù Vân thiếu áo, không chịu được lạnh dần dần sinh bệnh. Bệnh của ông mỗi ngày một nặng. Trước còn gắng gượng đi câu được, nhưng sau nằm liệt nhà. Một hôm biết mình sắp chết, ông gọi con lại dặn dò mọi việc. Qua hơi thở phều phào, ông nói: "Có mỗi một chiếc khó... con giữ mà mặc cứ chôn trần là được rồi". Nhưng thằng bé Chử - sau này người ta gọi là Chử Đồng Tử - rất thương cha, không muốn người cha chết lạnh lẽo. Chàng nghĩ: "Rồi ta sẽ cố kiếm nhiều cá để đổi lấy cái khó khác!". Nghĩ thế, anh quyết định dùng chiếc khó độc nhất đó cuốn cha lại từ đầu đến chân rồi chờ đến nửa đêm, anh đưa đến cồn cao rồi vùi lại.

Từ đó không có cái gì để che thân, Chử Đồng Tử phải làm việc ban đêm. Cứ chiều hôm khi không còn trông rõ mặt người nữa, anh bắt đầu ra bãi câu cá. Cho đến mờ sáng, anh sẽ lội ngấp nửa người, lần mò đến bên đò cá cho thuyền buôn lấy gạo. Thế rồi, lại lội đến bên vắng người, lén về lều của mình nấu ăn và ngủ một giấc đến chiều mới dậy. Rồi lại ăn uống và chuẩn bị đi câu nữa. Đồng Tử đã sống cuộc đời lén lút như thế đã hơn hai năm. Có lúc anh câu được nhiều cá, lúc ít cá không chùng, cũng có lúc không câu được gì cả đành men theo thuyền cá xin ăn. Nhưng chẳng có lúc nào câu được một số cá đủ để đổi lấy một cái khó cả. Vì thế, anh cứ chịu trần tròng mãi. Một hôm, Đồng Tử mang cá đi đổi gạo thì chợt có tiếng huyền não. Mọi người kháo nhau có thuyền của Công chúa sắp tới

địa phương. Từ đàng xa, chiếc thuyền sơn hiện ra mỗi lúc một lớn, có quân gia cò quạt, chiêng trống đàn sáo vang rộng cả một khúc sông. Thấy mọi người đổ ra đường, ra bến đi xem rất đông, Chủ Đòng Tử bí lối không về được, anh đành rúc vào một bụi lau ở bãi, rồi bỗng nghĩ ra một kế giấu mình kín hơn là bới cát thành một huyệt rồi nằm xuống, tự vùi mình lại.

Giữa lúc đó thì Tiên Dung sai cấm sào rồi bỏ thuyền lên bộ. Tự nhiên công chúa có ý muốn tắm. Theo lệ thường, người ta quây màn lại một chỗ kín đáo trên đất rồi đun nước thơm vào để công chúa dùng.

Không ngờ chỗ mà bọn thị tỳ quây màn hôm nay lại chính là chỗ mà Đòng Tử vùi mình dưới đó. Anh nằm dưới đất chẳng biết gì hết, chỉ nghe có tiếng nện, tiếng chân người giẫm thành thịch và tiếng nước dội rào rào. Cho đến lúc anh toàn thân ướt đầm cả nước. Rồi chỉ một lúc sau, dòng nước dội hẳn vào người anh. Biết là bại lộ. Đòng Tử ngượng ngùng ngồi nhồm đậy. Công chúa xiết bao kinh ngạc, khi thấy có một người lạ cũng trần truồng như nàng trong màn. Thoạt đầu, Tiên Dung tưởng là ma quái, toan la lên để bọn quân hầu vào cứu, nhưng thấy người con trai đó chẳng có chút gì là độc ác, nên nàng cố trấn tĩnh, ôn tồn bảo: “Người là ai? Tại sao lại vùi mình ở đây? Nói mau!”

Nghe người trai lạ kể nông nổi của mình, công chúa rom rớm nước mắt. Nàng không ngờ trong đất đai của cha nàng trị vì lại có hạng người đói khổ đến nỗi không có lấy một mẩu vải che thân.

Cảm lòng chí hiếu của người con trai trước mặt, Tiên Dung nói một mình: "Những người thế này chưa chắc bọn con trai trong thiên hạ đã sánh kịp!". Bỗng chốc nàng đưa gáo cho Đồng Tử: "Thôi anh tắm rửa rồi đi nhé. Lạ thật! Chắc do trời!"

Bọn thị tỳ và lính tráng hôm đó rất lấy làm sững sốt vì thấy từ trong màn bước về thuyền không phải chỉ một mình công chúa mà là hai người và người thứ hai lại không phải là nữ mà là một chàng trai khỏe đẹp. Nàng bèn sai lấy một bộ võ phục của một viên quan hầu cho Đồng Tử mặc. Bấy giờ, trước mặt mọi người, công chúa thẳng thắn kể cuộc gặp gỡ kỳ dị lúc nãy rồi nói: "Người này sẽ là chồng tôi!"

Nghe thế, Chử Đồng Tử đỏ mặt: "Tôi không dám, không dám".

Nhưng Tiên Dung bảo: "Tôi vốn không có ý định lấy chồng. Nay tình cờ gặp gỡ thế này chắc có Trời xui".

Tất cả đều theo ý Tiên Dung. Duy có hai viên quan hầu và một số thị tỳ, lính tráng không cho là cuộc phối hợp tốt đẹp. Nhưng thấy công chúa táo bạo lại thường được vua chiều chuộng cho nên cuối cùng họ cũng không dám cản. Và rồi hôn lễ cử hành ngay trên sông, có một số bộ lão địa phương tới dự.

Nhưng khi tin báo về cung, vua Hùng không ngăn được cơn giận dữ. Vua bảo quần thần: "Thà nó không có chồng còn hơn. Thực là đốn mạt! Tại sao nó không chịu hỏi ta. Thôi từ nay nhất thiết cấm

cửa. Hễ nó vác mặt về Phong-châu thì cho phép Lạc tướng chém chết trước, tâu sau”.

Thuyền của Tiên Dung vừa nhổ neo ra về thì một người em gái của nàng đã lên sai một người đầy tớ trung thành, hỏa tốc báo tin không hay đó cho nàng biết. Nàng nhận tin với một vẻ lo ngại. Nàng đã biết tính vua cha khi thương thì thương rất mực mà khi giận cũng có thể đang tay được. Hai vợ chồng cùng nhau bàn bạc. Cuối cùng, nàng hội họp tất cả những người dưới quyền mình lại rồi nói rõ ý định: “Vua cha nay không thương ta nữa. Vậy vợ chồng ta quyết định không về. Cho các người được về với cha ta và về với bà con làng nước”.

Hai vợ chồng từ đó sống một cuộc đời mới. Họ giao thiệp với các thuyền buôn nước ngoài vẫn thường ghé vào để bán hàng và cất hàng. Công cuộc buôn bán của họ mỗi ngày một khá. Chỗ bến sông ấy dần dần trở thành một cái chợ quyen rũ được nhiều người.

Một hôm, Đông Tử mang vàng theo một khách buôn lớn định ra nước ngoài mua hàng tận gốc để kiếm một số lãi to.

Họ dong buồm đi về phương Nam. Chỉ trong năm ngày đến một ngọn núi giữa biển, gọi là núi Quỳnh-viên, thuyền dừng lại lấy nước ngọt.

Đông Tử bước lên đất rồi vui chân, anh trèo mãi lên tận đỉnh đảo. Đang say sưa ngắm cảnh, bỗng nhiên Đông Tử thấy một cái am nhỏ. Trước am có một đạo sĩ ngồi định thần trên một phiến đá. Anh bước

tới toan cất tiếng thì người kia đã hỏi trước: “Thằng bé Chử! Sao lại muộn thế?”

Biết là bậc thần dị, anh phủ phục xuống cạnh người người lạ, xin làm đồ đệ. Khi bọn lái buôn đến am tìm Đồng Tử thì anh trao tất cả vàng cho họ và nói: “Các bác cứ cầm lấy mà buôn bán. Tôi sẽ ở đây cho đến khi thành đạo”.

Đồng Tử hiểu đạo rất chóng. Sư phụ còn dạy cho anh nhiều phép mầu nhiệm. Cho đến khi chiếc thuyền buôn trở lại đốn, thì anh được sư phụ trao cho một chiếc gậy và một cái nón và bảo: “Thế là con có thể hạ sơn được. Ta giao cho con những vật này. Tất cả sự linh diệu đều ở đó cả”.

Bước xuống thuyền, Đồng Tử không ngờ số vốn của mình hồi trước giờ đây người ta đã làm nảy nở gấp mười. Nhưng nhìn những thoi vàng sáng chói, anh không thấy thích thú như xưa. Những câu chào hỏi, những lời bàn bạc tính toán nhao nhao của các bạn buôn bấy giờ đối với anh đều nhạt nhẽo.

Về đến nhà, Đồng Tử truyền đạo lại cho vợ. Cũng như chồng, Tiên Dung học đạo rất chóng. Thế rồi một hôm, hai vợ chồng đem tất cả gia sản của mình phân phát cho những người nghèo khổ trong vùng. Mọi người đều lấy làm lạ khi thấy hai vợ chồng công chúa bỏ sự làm ăn đang thịnh để ra đi, không biết là đi đâu.

Hai vợ chồng ngày đi đêm nghỉ cốt tìm thầy học đạo thêm nữa. Một hôm, trời đã tối, họ đi mãi, rất mệt nhưng vẫn chưa gặp một cái quán nào. Chỗ này

không nghe qua một tiếng gà gáy chó sủa. Cuối cùng họ nghỉ lại trên bãi cỏ. Đồng Tử cắm gậy của mình xuống đất rồi úp nón lên che sương. Canh ba đêm hôm đấy, bỗng có tiếng chuyển động dữ dội. Thế là phút chốc họ không phải nằm trên bãi cỏ nữa mà nằm trên một chiếc giường ngọc trong một tòa lầu chẵn gối êm dịu như nhung. Quần áo của họ mặc là thứ quần áo màu, lấp lánh như vẩy bạc.

Khi ra dãy hành lang có bao lơn trắng như tuyết, hai vợ chồng mới biết không chỉ có một nhà mà có rất nhiều nhà, nhiều lầu. Ngoài xa lại có một bức thành dày ôm lầy khu vực này. Đến đâu cũng có người hầu hạ và quân lính canh gác. Họ ăn bận nhiều màu nhiều kiểu rất đẹp. Tiên Dung hỏi hai thị nữ: “Đây là chốn nào?”. Họ đáp: “Đây là giang sơn riêng của công chúa như lời ước muốn của người”. Khi hai vợ chồng bước tới chính đường thì một viên quan từ trong tiền ra, giơ cao một mớ sổ sách, quỳ chào họ: “Xin dâng lên công chúa tất cả mọi vật ở đây!”

Hai vợ chồng cùng giở ra xem thì thấy trong đó kê tất cả bao nhiêu lầu đài nhà cửa, bao nhiêu vật dụng linh tinh, bao nhiêu khí giới, v.v... Trong mười gian nhà kho chứa trữ bao nhiêu châu ngọc, vàng bạc, lương thực. Ngoài ra còn kê tên tuổi bao nhiêu viên quan văn võ, bao nhiêu lính tráng, bao nhiêu nô tỳ, v.v... Chồng bảo vợ: “Thế là từ nay chúng ta làm chủ giang sơn này đây!”.

Từ đó, hai vợ chồng lưu lại vui hưởng một cuộc sống khác trước. Nhân dân quanh vùng nghe đồn hai vợ chồng công chúa có phép tiên xây dựng lầu đài thành quách trong một đêm, nên ai nấy rủ nhau

đến xin che chở. Họ lũ lượt mang hoa quả, nếp gạo, gà lợn để làm lễ chào mừng những người chủ mới.

Tiếng đồn thổi mỗi ngày một rộng và sau cùng tới tai Hùng Vương. Mấy tên quân lính do thám về báo cho vua biết nào quân lính đông hàng mấy vạn, nào giáp sắt trống đồng tề chỉnh, nào nhân dân quy phục mỗi ngày một đông, v.v... Chúng quả quyết rằng hai vợ chồng công chúa không có gì hơn là muốn rạch đôi sơn hà với thiên tử.

Hùng Vương từ lâu đã quên Tiên Dung, nay nghe tin báo, tự nhiên lòng giận lại bốc lên bùng bùng. Những lúc như thế mọi người rất lo sợ, người ta thấy các Lạc tướng chuẩn bị ráo riết dường như sắp có một cuộc chiến tranh xảy tới. Trong suốt mười lăm ngày các tay nỏ được lệnh ra sức tập luyện. Trống đồng được dùng báo hiệu liên miên không nghỉ. Trước khi đoàn quân xuất phát, vua Hùng bước ra cửa điện nói với họ: “Nó từ lâu là giặc, hoàn toàn không phải là con ta. Các người cố gắng lấy đầu của chúng về đây sẽ có trọng thưởng ».

Nghe tin cáo cấp, tất cả các tướng sĩ bộ hạ của Tiên Dung hội nhau định kế chống lại. Một viên tướng đến trình bày với hai vợ chồng: « Nếu công chúa muốn, chúng tôi có thể tiêu diệt quân địch trong khoảnh khắc ». Tiên Dung lắc đầu bảo họ: « Không được. Ta đâu dám cự lệnh vua cha? »

Chiều hôm ấy, quân đội của Lạc tướng đã hạ trại ở bên kia bờ sông. Bóng cờ đã thấp thoáng trong lùm cây. Bên này sông trong giang sơn của công chúa vẫn chưa có lệnh chuẩn bị. Quân canh trên mặt

thành luôn luôn đưa tin mới cho hai vợ chồng. Nhưng họ vẫn thản nhiên tươi cười. Cũng như lệ thường, đêm hôm nay họ vẫn ngủ trên chiếc giường ngọc. Khoảng canh ba, bỗng có tên quân vào báo tin rằng cầu phao bên địch đã bắc xong và hiện nay họ đang nấu ăn. Hai vợ chồng ngồi dậy cùng hướng mặt trời lên. Thế là một trận bão vụt lên, mỗi lúc một dữ dội. Đồng thời đất chuyển động ầm ầm. Gió xoáy một cách kinh khủng đến nỗi có thể bốc tất cả mọi cái trên mặt đất ném đi một nơi khác.

Sáng hôm sau, nhân dân quanh vùng cũng như quân đội vua Hùng đều thấy một sự lạ chưa từng có. Bão đã tạnh từ lâu nhưng thành quách của công chúa, kể cả cung điện, nhà cửa, quân gia, súc vật, đồ dùng đều bay đâu mất cả không còn sót một tí gì. Giữa đó một cái đầm rộng mênh mang, đầy nước trắng xóa. Duy chỉ có cái nền cung của hai vợ chồng công chúa thì vẫn còn. Người ta gọi cái đầm ấy là đầm Một-đêm (Nhất-đạ) và cái nền ấy là bãi Tự-nhiên. Về sau trên cái nền ấy, người ta có lập miếu thờ hai vợ chồng Chử Đồng Tử.

Bài học : *Chử Đồng Tử nhường chiếc khó duy nhất cho cha là thể hiện trọn đạo hiếu của người con. Vợ chồng Chử Đồng Tử-Tiên Dung là biểu tượng của một mối duyên đẹp, họ biết yêu thương, hỗ trợ nhau trong cuộc sống và trong việc tu học. Đầm Nhất-dạ chính là biểu tượng của lẽ biến hóa, vô thường. Đó là lời nhắc nhở với vua cha về lẽ sinh diệt của đời người, và thể hiện lòng hiếu thảo của 2 vợ chồng khi không muốn chống lại quân đội của cha.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Gil Fronsdal, Đức Phật dạy con như thế nào,
Truy xuất từ: www.insightmeditationcenter.org
2. Jing Yin, Ken Hudson, W.Y. Ho, (2002),
Dharma for Children, Buddhist Education
Foundation, UK – Bản dịch: Tâm Minh Ngô
Tằng Giao (2011), Phật pháp cho Trẻ em, Thư
viện Hoa sen.
3. Jing Yin, Ken Hudson (2000). Buddhist Studies
(Buddhism Key Stage I, II). Buddhist Education
Foundation, UK – Bản dịch: Đồng An.
4. Khuddaka Nikàya, Đại tạng kinh Việt Nam
(Kinh tiểu bộ - chuyện tiền thân Đức Phật), Bản
dịch: Thích Minh Châu & Trần Phương Lan.
5. Nguyễn Đồng Chi, (2008), Kho tàng Truyện Cổ
Việt Nam (tập 1-5), NXB. Trẻ, Tp.HCM
6. Thích Minh Chiếu, (1994), Truyện cổ Phật giáo
(tập 1 – 4), NXB. Tôn Giáo
7. Thích nữ Trí Hải, (2004), Từ nguồn Diệu Pháp,
NXB. Tôn Giáo, Hà Nội.

8. Thích Tinh Vân (dịch giả: Như Đức), (2001),
Thập đại đệ tử truyện, NXB. Tôn Giáo, Hà Nội.
9. Thích Minh Quang, (2014), Kinh Pháp Cú Thí
Dụ, NXB. Tôn giáo Hà Nội.
10. Vân Hà, (2006), Đức Phật Thích Ca và thập đại
đệ tử điển ngâm, NXB. Tôn Giáo.
11. Võ Đình Cường, (2004), Ánh Đạo Vàng, NXB.
Tôn Giáo, Hà Nội.
12. Website về Đức Phật, như: <http://tuvien.com/>,
<http://www.budsas.org/>, <http://www.langmai.org/>,
<http://www.phatgiao.org.vn/>, <http://giacngo.vn/>,
<http://www.quangduc.com/>, <http://chuaxaloi.vn/>,
<http://www.phoquang.org/>, <http://thuvienhoasen.org/>